

ĐIỀU LỆ

CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG HẢI HÀ NỘI (MARINA HANOI)



MARINA HANOI

Hà Nội, tháng 4/2012

MỤC LỤC

PHẦN MỞ ĐẦU	6
CHƯƠNG I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ	6
Điều 1: Các định nghĩa.....	6
CHƯƠNG II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CÔNG TY CON, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN VÀ THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY	8
Điều 2: Tên, hình thức, trụ sở, Công ty con, Chi nhánh, Văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty.....	8
CHƯƠNG III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY	9
Điều 3: Mục tiêu Công ty.....	9
Điều 4: Phạm vi kinh doanh và hoạt động.....	10
CHƯƠNG IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN	10
Điều 5: Vốn điều lệ, cổ phần, Cổ đông sáng lập.....	11
Điều 6: Chứng chỉ cổ phiếu.....	12
Điều 7: Chứng chỉ chứng khoán khác.....	13
Điều 8: Chuyển nhượng cổ phần.....	14
Điều 9: Thu hồi cổ phần.....	14
CHƯƠNG V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN LÝ VÀ KIỂM SOÁT	15
Điều 10: Cơ cấu tổ chức quản lý.....	16
CHƯƠNG VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG	16
Điều 11: Quyền hạn của Cổ đông Công ty.....	16
Điều 12: Nghĩa vụ của các Cổ đông Công ty.....	17

Điều 13: Đại hội đồng Cổ đông.....	18
Điều 14: Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng Cổ đông.....	20
Điều 15: Các đại diện được ủy quyền.....	22
Điều 16: Thay đổi các quyền.....	23
Điều 17: Triệu tập Đại hội đồng Cổ đông, chương trình họp và thông báo họp.....	24
Điều 18: Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng Cổ đông và ghi Biên bản Đại hội đồng Cổ đông.....	25
Điều 19: Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng Cổ đông.....	26
Điều 20: Thông qua quyết định của Đại hội đồng Cổ đông.....	28
Điều 21: Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến Cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng Cổ đông.....	29
Điều 22: Biên bản họp Đại hội đồng Cổ đông.....	30
Điều 23: Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng Cổ đông.....	31
CHƯƠNG VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....	31
Điều 24: Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị.....	31
Điều 25: Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị.....	33
Điều 26: Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị.....	36
Điều 27: Thành viên Hội đồng quản trị thay thế.....	37
Điều 28: Các cuộc họp của Hội đồng quản trị.....	38
CHƯƠNG VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH, CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC VÀ THƯ KÝ CÔNG TY.....	42
Điều 29: Tổ chức bộ máy quản lý.....	42
Điều 30: Cán bộ quản lý.....	42

Điều 31: Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng Giám đốc điều hành....	43
Điều 32: Thư ký Công ty.....	45
CHƯƠNG IX. NHIỆM VỤ CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, TỔNG GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH VÀ CÁC CÁN BỘ QUẢN LÝ.....	45
Điều 33: Trách nhiệm căn trọng của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc điều hành và cán bộ quản lý.....	46
Điều 34: Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi.....	46
Điều 35: Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường.....	47
CHƯƠNG X. BAN KIỂM SOÁT.....	48
Điều 36: Thành viên Ban Kiểm soát.....	48
Điều 37: Ban Kiểm soát.....	49
CHƯƠNG XI. QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY.....	51
Điều 38: Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ.....	51
CHƯƠNG XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN.....	52
Điều 39: Công nhân viên và Công đoàn.....	52
CHƯƠNG XIII. PHÂN CHIA LỢI NHUẬN.....	52
Điều 40: Cổ tức.....	52
Điều 41: Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận.....	53
CHƯƠNG XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, CÁC QUỸ DỰ TRỮ CỦA CÔNG TY, NĂM TÀI KHÓA VÀ HỆ THỐNG KẾ TOÁN.....	54
Điều 42: Tài khoản Ngân hàng.....	54
Điều 43: Quỹ Công ty.....	54
Điều 44: Năm tài khóa.....	55

Điều 45: Hệ thống Kế toán.....	55
CHƯƠNG XV. BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN, THÔNG BÁO RA CÔNG CHÚNG.....	56
Điều 46: Báo cáo hàng năm, sáu tháng và hàng quý.....	56
Điều 47: Công bố thông tin và Thông báo ra công chúng.....	57
CHƯƠNG XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY.....	57
Điều 48: Kiểm toán.....	57
CHƯƠNG XVII. CON DẤU.....	58
Điều 49: Con dấu.....	58
CHƯƠNG XVIII. CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ.....	58
Điều 50: Chấm dứt hoạt động.....	58
Điều 51: Trường hợp bế tắc giữa các thành viên Hội đồng quản trị và Cổ đông.....	58
Điều 52: Gia hạn hoạt động.....	59
Điều 53: Thanh lý.....	59
CHƯƠNG XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ.....	60
Điều 54: Giải quyết tranh chấp nội bộ.....	60
CHƯƠNG XX. SỬA ĐỔI, BỔ SUNG ĐIỀU LỆ.....	61
Điều 55: Sửa đổi và bổ sung Điều lệ.....	61
CHƯƠNG XXI. NGÀY HIỆU LỰC.....	61
Điều 56: Ngày hiệu lực.....	61
Điều 57: Chữ ký của người đại diện theo pháp luật của Công ty.....	62
PHỤ LỤC.....	63

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐIỀU LỆ
TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA
CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG HẢI HÀ NỘI

PHẦN MỞ ĐẦU

Điều lệ này của **CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG HẢI HÀ NỘI**, là cơ sở pháp lý cho mọi hoạt động của Công ty. **CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG HẢI HÀ NỘI** (dưới đây gọi là “**Công ty**”), là Công ty cổ phần, được thành lập theo Luật Doanh nghiệp và các quy định của pháp luật có liên quan khác. Điều lệ, các quy định của Công ty, các Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông và Hội đồng quản trị, nếu đã được thông qua một cách hợp lệ phù hợp với pháp luật liên quan, sẽ là những quy tắc và quy định ràng buộc để tiến hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

Điều lệ này được sửa đổi, bổ sung từ bản Điều lệ thông qua tại Đại hội đồng Cổ đông Công ty kỳ họp thường niên tháng 6 năm 2010 và nay được thông qua bởi các Cổ đông của Công ty theo Nghị quyết được thông qua hợp lệ tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông kỳ họp Thường niên năm 2012 của Công ty tổ chức chính thức vào ngày 26 tháng 4 năm 2012.

CHƯƠNG I
ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1. Các định nghĩa.

1. Trừ các điều khoản hoặc ngữ cảnh của Điều lệ này quy định khác, những thuật ngữ dưới đây sẽ có nghĩa và được hiểu như sau :

a) “**Hội đồng quản trị**” có nghĩa là Hội đồng quản trị Công ty.

- b) “**Địa bàn kinh doanh**” có nghĩa là lãnh thổ Việt Nam và nước ngoài.
- c) “**Vốn điều lệ**” là vốn do tất cả các Cổ đông đóng góp và quy định tại Điều 5 của Điều lệ này.
- d) “**Luật Doanh nghiệp**” có nghĩa là Luật Doanh nghiệp số 60/2005/QH11 được Quốc hội khóa XI, kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 29 tháng 11 năm 2005.
- e) “**Ngày thành lập**” là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh .
- g) “**Pháp luật**” là tất cả các văn bản quy phạm pháp luật quy định tại Điều 1 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật .
- h) “**Cán bộ quản lý**” là Tổng giám đốc điều hành, Phó Tổng giám đốc điều hành, Kế toán trưởng, Giám đốc các công ty con (thành viên), Giám đốc các Chi nhánh, Trưởng phòng nghiệp vụ tại Hội sở chính được Hội đồng quản trị phê chuẩn.
- i) “**Người có liên quan**” là bất kỳ cá nhân hoặc tổ chức nào được quy định trong Điều 4 (17) của Luật Doanh nghiệp.
- j) “**Cổ đông**” là mọi thể nhân hay pháp nhân được ghi tên trong Sổ đăng ký Cổ đông của Công ty với tư cách là người sở hữu ít nhất một cổ phần đã phát hành của Công ty.
- k) “**Thời hạn hoạt động**” là thời hạn hoạt động ban đầu của Công ty như được quy định tại Điều 2 của Điều lệ này và mọi thời gian gia hạn (nếu có) được thông qua bằng một Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông và được Hội đồng quản trị chấp thuận .
- m) “**Việt Nam**” là nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam .
2. Trong Điều lệ này, bất kỳ một tham chiếu nào tới bất kỳ một điều khoản hoặc văn bản nào sẽ bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế của chúng.
3. Các tiêu đề (Chương, Điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc theo dõi, hiểu nội dung và không ảnh hưởng đến ý nghĩa, nội dung của Điều lệ này.
4. Các từ hoặc thuật ngữ đã được định nghĩa trong Luật Doanh nghiệp (nếu không có mâu thuẫn với chủ thể hoặc ngữ cảnh) sẽ có nghĩa tương tự trong Điều lệ này.

CHƯƠNG II

TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CÔNG TY CON, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN VÀ THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 2. Tên, Hình thức, Trụ sở, Công ty con, Chi nhánh, Văn phòng đại diện và Thời hạn hoạt động của Công ty.

1. Tên Công ty.

a) Tên đăng ký hợp pháp của Công ty bằng tiếng Việt:

CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG HẢI HÀ NỘI

b) Tên đăng ký hợp pháp của Công ty bằng tiếng Anh:

HANOI MARITIME HOLDING COMPANY

c) Tên viết tắt bằng tiếng Anh:

MARINA HANOI

2. Công ty là một Công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.

3. Trụ sở đăng ký của Công ty:

Địa chỉ: Số nhà 45, phố Triệu Việt Vương, Phường Bùi Thị Xuân, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội.

Điện thoại: (84 - 4) 3577 0810/16

Fax: (84 - 4) 3577 0814

E-mail: marina.han@fpt.vn.

Website: www.marinahanoi.com

Công ty có thể thay đổi Trụ sở đăng ký theo quyết định của Hội đồng quản trị và được đăng ký tại Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

4. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Tổng giám đốc điều hành là Đại diện theo pháp luật của Công ty.

5. Công ty có thể thành lập Chi nhánh và Văn phòng Đại diện tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu của Công ty theo quyết định của Hội đồng quản trị Công ty và trong phạm vi luật pháp cho phép .

6. Căn cứ nhu cầu phát triển, mở rộng phạm vi kinh doanh, Công ty có thể thành lập công ty con hoặc góp vốn liên doanh, liên kết, mua cổ phần của doanh nghiệp khác theo quyết định của Hội đồng quản trị Công ty phù hợp với quy định của pháp luật.

Tại thời điểm thông qua Điều lệ này, Công ty có các Công ty con, các Chi nhánh, được thành lập tại các địa bàn nêu ở Phụ lục 1 đính kèm. Bản Phụ lục 1 là một phần không thể tách rời của Điều lệ này.

7. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn theo Điều 50.2 và Điều 51 hoặc gia hạn hoạt động theo Điều 52 của Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty sẽ bắt đầu từ ngày thành lập và là vô hạn.

Công ty có thể thay đổi thời hạn hoạt động theo một nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

CHƯƠNG III

MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 3. Mục tiêu của Công ty.

1. Lĩnh vực kinh doanh của Công ty:

1.1. Công ty tiến hành hoạt động sản xuất, kinh doanh trong các lĩnh vực sau:

a) Dịch vụ cho thuê văn phòng và khu siêu thị;

b) Vận tải đường thủy, đường bộ;

c) Dịch vụ giao nhận, kho vận hàng hóa;

d) Buôn bán, xuất khẩu, nhập khẩu tư liệu sản xuất, tư liệu tiêu dùng;

- e) Đại lý mua, đại lý bán, ký gửi hàng hóa;
- g) Lai dắt tàu biển, bốc xếp hàng hóa và Container;
- h) Đại lý hàng hải;
- i) Xây dựng công trình giao thông;
- k) Khai thác Cảng và kinh doanh bãi Container.
- l) Kinh doanh vận tải đa phương thức
- m) Khai thuê Hải quan

1.2. Công ty có thể tiến hành các lĩnh vực kinh doanh khác theo quyết định của Hội đồng quản trị và được đăng ký tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

2. Mục tiêu hoạt động của Công ty là thành lập để huy động và sử dụng vốn có hiệu quả trong việc sản xuất và kinh doanh trong các lĩnh vực theo chức năng, ngành nghề ghi trong Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh. Đồng thời nhằm nâng cao hiệu quả và đạt được mục tiêu thu tối đa các khoản lợi nhuận hợp lý, tạo công ăn việc làm và thu nhập ổn định cho người lao động, tăng lợi tức cho các Cổ đông, đóng góp cho ngân sách Nhà nước và không ngừng phát triển Công ty ngày càng lớn mạnh.

Điều 4. Phạm vi Kinh doanh và Hoạt động.

1. Công ty được phép lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh theo quy định của Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh và Điều lệ này phù hợp với quy định của pháp luật và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của Công ty.

2. Công ty có thể tiến hành những hình thức kinh doanh khác được pháp luật cho phép mà Hội đồng quản trị xét thấy có lợi nhất cho Công ty.

CHƯƠNG IV

VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN

Điều 5. Vốn điều lệ, Cổ phần, cổ đông sáng lập.

1. Tất cả các cổ phần do Công ty phát hành đều là cổ phần phổ thông, kể cả các cổ phần do Nhà nước nắm giữ. Các quyền và nghĩa vụ của Cổ đông phổ thông được quy định tại Điều 10 của Điều lệ này. Vốn điều lệ được góp bằng đồng Việt Nam hoặc bằng ngoại tệ tự do chuyển đổi, vàng hoặc máy móc, thiết bị, nhà xưởng, giá trị quyền sử dụng đất, giá trị quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ, bí quyết kỹ thuật và các tài sản hay hiện vật khác dưới hình thức chuyển quyền sở hữu cho Công ty phù hợp với quy định của pháp luật. Giá trị tài sản hay các hiện vật này phải được cơ quan chuyên môn định giá theo trình tự, thủ tục do pháp luật quy định.

2. Vốn điều lệ do các Cổ đông đóng góp tại thời điểm thành lập là: 67.056.400.000 đồng (Sáu mươi bảy tỷ không trăm năm mươi sáu triệu bốn trăm nghìn đồng Việt nam) .

Tổng số Vốn điều lệ của Công ty được chia thành 6.705.640 cổ phần với mệnh giá là 10.000 VNĐ/cổ phần (mười ngàn đồng/một cổ phần).

Vốn điều lệ Công ty đăng ký và được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội (GCN-DKKD số 05642) phê duyệt là 120.000.000.000 đồng (Một trăm hai mươi tỷ đồng Việt Nam).

Vốn điều lệ bổ sung lần thứ nhất được Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2006 Công ty Cổ phần Hàng hải Hà Nội biểu quyết thông qua là 26.822.560.000 đồng, nâng vốn điều lệ Công ty từ 67.056.400.000 đồng tại thời điểm thành lập lên thành 93.878.960.000 đồng.

Vốn điều lệ bổ sung lần thứ hai được Đại hội đồng Cổ đông bất thường năm 2009 Công ty Cổ phần Hàng hải Hà Nội biểu quyết thông qua là 17.674.270.000 đồng, nâng vốn điều lệ Công ty từ 117.880.870.000 đồng lên thành 135.550.140.000 đồng.

Đại hội đồng Cổ đông biểu quyết thông qua phương án phát hành thêm cổ phần bổ sung vốn điều lệ do Hội đồng quản trị Công ty trình.

3. Trong quá trình hoạt động, Công ty có thể tăng vốn điều lệ khi được Đại hội đồng Cổ đông thông qua phù hợp với các quy định của Điều lệ Công ty và quy định của pháp luật. Hội đồng quản trị đề xuất để Đại hội đồng Cổ đông thông qua hình thức và phương án tăng vốn điều lệ phù hợp với quy định của pháp luật và nhu cầu kinh doanh thực tế của Công ty. Việc tăng vốn điều lệ Công ty tại từng thời kỳ đã được Đại hội đồng cổ đông biểu quyết

thông qua và được ghi nhận tại nghị quyết đại hội sẽ là bằng chứng xác nhận mức vốn điều lệ tại thời điểm đó và không nhất thiết phải ghi nhận trong Điều lệ của Công ty.

4. Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng Cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.

5. Công ty có thể phát hành cổ phần với giá trả góp thành nhiều đợt. Kỳ đến hạn trả góp và số tiền trả định kỳ phải được xác định tại thời điểm phát hành cổ phần.

6. Cổ phần phổ thông mới dự kiến được phát hành sẽ được ưu tiên chào bán cho các Cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của từng Cổ đông trong Công ty. Công ty phải thông báo việc chào bán, trong đó nêu rõ số cổ phần được chào bán và thời hạn hợp lý (tối thiểu hai mươi ngày làm việc), để Cổ đông có thể đăng ký mua. Số cổ phần không được Cổ đông đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối hoặc tặng các quyền chọn mua các cổ phần đó cho các đối tượng, theo các điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp, với điều kiện là các cổ phần đó không được bán theo các điều kiện thuận lợi hơn so với các điều kiện đã chào bán cho các Cổ đông hiện hữu, trừ trường hợp Đại hội đồng Cổ đông chấp thuận khác hoặc trong trường hợp cổ phần được bán qua Sở Giao dịch chứng khoán; Trung tâm Giao dịch Chứng khoán.

7. Công ty có thể mua cổ phần do chính Công ty phát hành (kể cả cổ phần ưu đãi hoàn lại) theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành. Cổ phần phổ thông do Công ty mua lại được giữ làm cổ phiếu quỹ và có thể được Hội đồng quản trị chào bán theo cách thức phù hợp với quy định của Điều lệ này và Luật Chứng khoán và văn bản hướng dẫn liên quan.

8. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác khi được Đại hội đồng Cổ đông nhất trí thông qua bằng văn bản và phù hợp với quy định của pháp luật về Chứng khoán và Thị trường Chứng khoán.

Điều 6. Chứng chỉ cổ phiếu.

1. Cổ đông của Công ty đều có quyền được cấp chứng chỉ hoặc chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu, trừ trường hợp quy định tại Khoản 7 Điều lệ này.

2. Mọi chứng chỉ cổ phiếu phát hành phải có dấu của Công ty và có chữ ký của Đại diện theo pháp luật của Công ty theo các quy định tại Luật doanh nghiệp. Chứng chỉ này

phải ghi rõ số lượng và loại cổ phần mà cổ đông nắm giữ, số tiền đã thanh toán, họ và tên người nắm giữ (nếu là cổ phiếu ghi danh) và các thông tin khác mà Luật Doanh nghiệp quy định. Mỗi chứng chỉ cổ phiếu ghi danh chỉ được đại diện cho một loại cổ phần.

3. Theo các quy định của Điều lệ này, bất kỳ người nào có tên ghi trong Sổ đăng ký Cổ đông liên quan đến một cổ phần thuộc bất kỳ loại nào sẽ được cấp miễn phí một chứng chỉ trong vòng hai (02) tháng (hoặc thời hạn có thể lâu hơn theo điều khoản phát hành quy định) kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo như quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty hoặc trong thời ba (03) tháng kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty (trong trường hợp chuyển nhượng).

4. Trường hợp chỉ chuyển nhượng một số cổ phần ghi danh trong một chứng chỉ cổ phiếu ghi danh thì chứng chỉ cũ sẽ bị huỷ bỏ và một chứng chỉ mới ghi nhận số cổ phần còn lại sẽ được cấp miễn phí.

5. Nếu một chứng chỉ cổ phiếu ghi danh bị hỏng hoặc bị tẩy xóa hoặc bị đánh mất, mất cắp hoặc bị tiêu huỷ, thì một chứng chỉ cổ phiếu mới ghi nhận số cổ phần tương ứng sẽ được cấp cho người nắm giữ theo yêu cầu của người đó, với điều kiện phải đưa ra bằng chứng về việc sở hữu cổ phần và thanh toán mọi chi phí liên quan cho Công ty.

6. Người sở hữu chứng chỉ cổ phiếu vô danh phải tự chịu trách nhiệm về việc bảo quản chứng chỉ và Công ty sẽ không chịu trách nhiệm trong mọi trường hợp những chứng chỉ này bị mất cắp hoặc bị sử dụng với mục đích lừa đảo.

7. Căn cứ các quy định của Luật Doanh nghiệp và pháp luật về Chứng khoán và thị trường Chứng khoán, Công ty có thể phát hành cổ phần ghi danh không theo hình thức chứng chỉ. Hội đồng quản trị có thể ban hành văn bản quy định cho phép các cổ phần ghi danh (bất kể là cổ phần có phát hành theo hình thức chứng chỉ hay không chứng chỉ) được chuyển nhượng mà không bắt buộc phải có văn bản chuyển nhượng; Hoặc tùy từng thời điểm, Hội đồng quản trị có thể ban hành các quy định về chứng chỉ và chuyển nhượng cổ phần theo các quy định của Luật Doanh nghiệp, pháp luật về Chứng khoán và thị trường Chứng khoán và Điều lệ này .

Điều 7: Chứng chỉ chứng khoán khác

Tất cả các mẫu chứng chỉ cổ phiếu hoặc trái phiếu hoặc các chứng khoán khác của Công ty (trừ các thư chào bán, các chứng chỉ tạm thời và các tài liệu tương tự), trừ trường hợp mà các điều khoản và điều kiện hiện tại có liên quan đến các chứng chỉ có quy định

khác, sẽ được phát hành có dấu và chữ ký mẫu của Đại diện theo pháp luật của Công ty, trừ trường hợp các điều khoản và điều kiện phát hành quy định khác.

Điều 8: Chuyển nhượng cổ phần.

1. Tất cả các cổ phần đều có thể được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác. Tất cả cổ phiếu niêm yết trên Sở Giao dịch chứng khoán; Trung tâm Giao dịch Chứng khoán sẽ được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán và của Sở Giao dịch chứng khoán; Trung tâm Giao dịch Chứng khoán.

2. Trừ khi Hội đồng quản trị có quy định khác (phù hợp với quy định của Luật Doanh nghiệp), tất cả các chuyển nhượng cổ phiếu ghi danh đều có thể thông qua việc chuyển nhượng bằng văn bản theo cách thông thường hoặc theo bất kỳ cách nào mà Hội đồng quản trị có thể chấp nhận và cũng có thể bằng cách trao tay. Cổ phiếu đã niêm yết phải được chuyển nhượng thông qua Trung tâm Giao dịch Chứng khoán. Giấy tờ chuyển nhượng được ký bởi hoặc thay mặt bên chuyển nhượng và bởi hoặc thay mặt bên nhận chuyển nhượng. Bên chuyển nhượng vẫn là người sở hữu cổ phần có liên quan cho đến khi tên người nhận chuyển nhượng được ghi vào Sổ đăng ký Cổ đông, trừ trường hợp bên chuyển nhượng uỷ quyền cho bên nhận chuyển nhượng tham dự Đại hội đồng cổ đông diễn ra trong thời gian đó theo quy định tại Luật Doanh nghiệp.

3. Mọi cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng cổ tức.

4. Trong trường hợp một Cổ đông bị chết, những người thừa kế hoặc những người quản lý tài sản của người chết sẽ được Công ty thừa nhận là người (hoặc những người) duy nhất có quyền hoặc hưởng lợi đối với cổ phần, nhưng quy định này không giải toả tài sản của Cổ đông đã chết khỏi mọi trách nhiệm gắn liền với bất kỳ cổ phần nào mà người đó đang nắm giữ.

Điều 9. Thu hồi cổ phần.

1. Nếu một Cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả mua cổ phần thì Hội đồng quản trị có thể gửi thông báo cho Cổ đông đó vào bất kỳ lúc nào để yêu cầu thanh toán số tiền đó cùng với lãi suất có thể được lũy kế trên khoản tiền đó và những chi phí phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ gây ra cho Công ty.

2. Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới, tối thiểu là 07 ngày kể từ ngày gửi thông báo, và địa điểm thanh toán và phải ghi rõ rằng trong trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết đó sẽ bị thu hồi.

3. Trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện thì Hội đồng quản trị có thể thu hồi mọi cổ phần đã được đề cập trong thông báo vào bất kỳ lúc nào trước khi thanh toán đầy đủ tất cả các khoản phải nộp, các khoản lãi và các chi phí liên quan. Việc thu hồi này sẽ bao gồm tất cả cổ tức được công bố đối với cổ phần bị thu hồi mà thực tế chưa được chi trả cho đến thời điểm thu hồi. Hội đồng quản trị có thể chấp nhận việc giao nộp các cổ phần bị thu hồi theo quy định tại các Khoản 4, 5 và 6 dưới đây và trong các trường hợp khác được quy định tại Điều lệ này.

4. Số cổ phần bị thu hồi sẽ trở thành tài sản của Công ty. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc uỷ quyền bán, tái phân phối hoặc giải quyết theo một cách khác cho người mà trước thời điểm cổ phần bị thu hồi đã từng sở hữu số cổ phần đó hoặc cho các đối tượng khác theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp. Nếu cần chuyển giao cổ phần trên cho bất kỳ người nào khác.

5. Cổ đông nắm giữ các cổ phần bị thu hồi sẽ phải từ bỏ tư cách Cổ đông đối với những cổ phần đó nhưng vẫn phải chịu trách nhiệm thanh toán cho Công ty tất cả các khoản tiền có liên quan đến cổ phần đó mà vào thời điểm thu hồi phải thanh toán cho Công ty cộng với tiền lãi theo tỷ lệ lãi suất cho vay bình quân của 04 (bốn) Ngân hàng thương mại Nhà nước theo quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi hoặc có thể miễn giảm thanh toán một phần hoặc toàn bộ số tiền đó .

6. Khi cổ phần được thu hồi, thông báo về việc thu hồi sẽ được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm bị thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cẩn trong việc gửi thông báo .

CHƯƠNG V

CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN LÝ VÀ KIỂM SOÁT

Điều 10. Cơ cấu tổ chức quản lý.

Cơ cấu tổ chức quản lý của Công ty bao gồm:

- a) Đại hội đồng cổ đông;
- b) Hội đồng quản trị;
- c) Tổng giám đốc điều hành ; và
- d) Ban Kiểm soát.

**CHƯƠNG VI
CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**

Điều 11. Quyền hạn của Cổ đông Công ty.

1. Cổ đông là những người chủ sở hữu Công ty có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu. Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty.

2. Người nắm giữ cổ phần phổ thông (cổ đông phổ thông) có các quyền sau:

a) Tham dự và phát biểu trong các kỳ họp Đại hội đồng Cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua Đại diện được uỷ quyền; Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;

b) Được nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng Cổ đông;

c) Tự do chuyển nhượng cổ phiếu đã được thanh toán đầy đủ theo quy định của Điều lệ này và pháp luật có liên quan;

d) Được ưu tiên mua cổ phần mới được chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông mà họ sở hữu ;

e) Kiểm tra các thông tin liên quan đến Cổ đông trong danh sách Cổ đông đủ tư cách tham gia các cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác.

f) Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ Công ty, sổ biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác.

g) Trong trường hợp Công ty bị giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại của Công ty tương ứng với tỷ lệ cổ phần sở hữu, nhưng chỉ sau khi Công ty đã thanh toán hết các khoản nợ và các nghĩa vụ tài chính cho chủ nợ và các cổ đông loại khác theo quy định của pháp luật.

g) Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp quy định trong Khoản 1 Điều 90 của Luật doanh nghiệp ;và

h) Các quyền khác theo quy định của Điều lệ này và pháp luật.

3. Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông sở hữu trên 10% (mười phần trăm) tổng số cổ phần phổ thông có quyền biểu quyết trong thời gian liên tục ít nhất từ 06 (sáu) tháng trở lên, có các quyền sau:

a) Đề cử người vào Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát theo quy định tại các Khoản 3 Điều 24 và Khoản 2 Điều 36 tương ứng;

b) Yêu cầu triệu tập Đại hội đồng Cổ đông;

c) Kiểm tra và nhận bản sao hoặc bản trích dẫn danh sách các Cổ đông có quyền tham dự và biểu quyết tại Đại hội đồng Cổ đông; và

d) Yêu cầu Ban Kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải thể hiện bằng văn bản; phải có họ tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra.

e) Các quyền khác được quy định tại Điều lệ này và của pháp luật.

Điều 12. Nghĩa vụ của các Cổ đông Công ty.

Các Cổ đông phổ thông có các nghĩa vụ sau :

1. Tuân thủ Điều lệ Công ty và các quy chế của Công ty; chấp hành các quyết định của Hội đồng quản trị và các Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông;
2. Thanh toán đủ tiền mua cổ phần theo số lượng cổ phần đã đăng ký mua trong thời hạn 90 ngày theo đúng thủ tục quy định;
3. Cung cấp địa chỉ chính xác khi đăng ký mua cổ phần;
4. Thực hiện các nghĩa vụ khác do pháp luật quy định và theo Điều lệ này.
5. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:
 - a. Vi phạm pháp luật;
 - b. Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
 - c. Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước nguy cơ tài chính có thể xảy ra đối với Công ty.

Điều 13. Đại hội đồng Cổ đông.

1. Đại hội đồng Cổ đông là cơ quan có thẩm quyền quyết định cao nhất của Công ty, gồm tất cả các Cổ đông có quyền biểu quyết. Đại hội đồng Cổ đông Thường niên được tổ chức mỗi năm một lần. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

2.a) Đại hội đồng Cổ đông thường niên do Hội đồng quản trị quyết định triệu tập và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng Cổ đông thường niên quyết định những vấn đề được pháp luật và Điều lệ này quy định. Đặc biệt, Đại hội đồng Cổ đông sẽ thông qua các báo cáo tài chính hàng năm của Công ty và ngân sách tài chính cho năm tài chính tiếp theo. Các Kiểm toán viên độc lập được mời tham dự Đại hội đồng để tư vấn cho việc thông qua các báo cáo tài chính hàng năm .

b) Đại hội đồng cổ đông thường niên có thể được tổ chức trực tuyến qua mạng. Cổ đông có thể đăng ký tham dự đại hội và thực hiện quyền biểu quyết của mình đối với các vấn đề tại cuộc họp thông qua mạng một cách thuận tiện và hiệu quả.

3. Hội đồng quản trị phải triệu tập Đại hội đồng Cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty.

Việc triệu tập là cần thiết nếu các Kiểm toán viên độc lập thấy rằng cuộc họp là quan trọng để thảo luận về báo cáo kiểm toán hoặc về tình hình tài chính của Công ty và Hội đồng quản trị cũng nhận thấy như vậy;

b) Bảng cân đối kế toán hàng năm, các báo cáo Quý hoặc nửa năm hoặc báo cáo kiểm toán của năm tài chính cho thấy vốn điều lệ bị mất một nửa;

c) Khi số thành viên của Hội đồng quản trị ít hơn số thành viên mà luật pháp quy định hoặc ít hơn một nửa số thành viên quy định trong Điều lệ;

d) Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông quy định tại Khoản 3 Điều 11 của Điều lệ này yêu cầu triệu tập Đại hội đồng bằng một văn bản kiến nghị nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có chữ ký của các Cổ đông liên quan (văn bản kiến nghị có thể lập thành nhiều bản để có đủ chữ ký của tất cả các Cổ đông có liên quan);

e) Ban Kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp nếu Ban kiểm soát có lý do tin tưởng rằng các thành viên Hội đồng quản trị hoặc cán bộ quản lý cấp cao vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo Điều 119 của Luật doanh nghiệp hoặc Hội đồng quản trị hành động hoặc cố ý định hành động vượt quá phạm vi quyền hạn của mình.

f) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

4. Thẩm quyền triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông bất thường.

a) Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông bất thường trong vòng 30 ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị còn lại như quy định tại Khoản 3c Điều 13 hoặc nhận được yêu cầu nêu tại Khoản 3.d hoặc Khoản 3.e của Điều 13.

b) Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Khoản 4a nêu trên, thì trong thời hạn ba mươi ngày tiếp theo Ban Kiểm soát sẽ phải thay thế Hội đồng quản trị triệu tập cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông bất thường theo quy định tại Khoản 5 Điều 97 Luật Doanh nghiệp;

c) Trường hợp Ban Kiểm soát không triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Khoản 4b nêu trên, thì trong thời hạn ba mươi ngày tiếp theo, Cổ đông hoặc

nhóm các Cổ đông có yêu cầu tại Khoản 3.d của Điều này có quyền thay thế Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát triệu tập cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông bất thường theo quy định tại Khoản 6 Điều 97 Luật Doanh nghiệp.

Trong trường hợp này, Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông có thể đề nghị cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát việc triệu tập và tiến hành họp nếu xét thấy cần thiết.

d) Tất cả các chi phí triệu tập và tiến hành một cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông sẽ được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do Cổ đông chi tiêu khi tham dự Đại hội đồng Cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

Điều 14. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng Cổ đông.

1. Đại hội đồng Cổ đông thường niên có quyền thảo luận và thông qua các vấn đề sau:

- a) Báo cáo tài chính kiểm toán hàng năm;
- b) Báo cáo của Ban Kiểm soát về tình hình Công ty;
- c) Báo cáo của Hội đồng quản trị;
- d) Báo cáo của các Kiểm toán viên (nếu có);
- e) Kế hoạch phát triển ngắn hạn, dài hạn và các dự án đầu tư của Công ty.

2. Đại hội đồng Cổ đông thường niên và bất thường có quyền ra các quyết định bằng văn bản về các vấn đề sau:

- a) Thông qua các báo cáo tài chính hàng năm và mức trích các quỹ;
- b) Mức cổ tức được thanh toán hàng năm cho mỗi loại cổ phần phù hợp với Luật doanh nghiệp và các quyền gắn liền với loại cổ phần đó với điều kiện là mức cổ tức này không cao hơn mức mà Hội đồng quản trị đề nghị sau khi đã tham khảo ý kiến các Cổ đông tại Đại hội đồng Cổ đông;
- c) Số lượng thành viên của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát;
- d) Lựa chọn Công ty kiểm toán;

e. Bầu, bãi miễn hoặc thay thế thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát. Việc biểu quyết bầu thành viên HĐQT và Ban Kiểm soát được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi Cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của HĐQT hoặc Ban Kiểm soát và Cổ đông có quyền dồn hết tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên hoặc chia đều cho các ứng cử viên hoặc chia cho các ứng cử viên với số lượng phiếu bầu khác nhau để bầu vào HĐQT hoặc Ban Kiểm soát.

f) Tổng số tiền thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và báo cáo tiền thù lao của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát;

g) Sửa đổi và bổ sung Điều lệ;

h) Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới sẽ được phát hành cho mỗi loại cổ phần;

i) Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;

j) Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;

k) Kiểm tra và xử lý vi phạm của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và các Cổ đông của Công ty;

l) Mua hoặc bán tài sản của Công ty hoặc bất kỳ chi nhánh, công ty con nào do Công ty hoặc các công ty con, chi nhánh thực hiện có giá trị từ 50% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty và các công ty con, chi nhánh tính theo sổ sách kế toán đã được kiểm toán ở thời điểm gần nhất; Thông qua nghị quyết về Kế hoạch bán hoặc mua tàu của Công ty và giao cho Hội đồng quản trị tổ chức thực hiện phù hợp với các quy định của pháp luật.

m) Công ty mua hoặc mua lại hơn 10% tổng số cổ phần hoặc cổ phần thuộc bất kỳ loại nào đang phát hành;

n) Việc Tổng giám đốc điều hành kiêm Chủ tịch Hội đồng quản trị;

o) Công ty hoặc bất kỳ công ty con, chi nhánh nào của Công ty ký kết hợp đồng với những người được quy định tại Khoản 1 Điều 120 của Luật doanh nghiệp với giá trị tương ứng hoặc lớn hơn 20% tổng giá trị tài sản của Công ty và các công ty con, chi nhánh của Công ty tính theo sổ sách kế toán gần nhất;

p) Các vấn đề khác theo quy định của Điều lệ này và các quy chế khác của Công ty.

3. Cổ đông không được biểu quyết cho bất kỳ một Nghị quyết nào để thông qua:

a) Các hợp đồng quy định tại Khoản 2 Điều 14 của Điều lệ này nếu Cổ đông đó hoặc người có liên quan tới Cổ đông đó là một bên của hợp đồng; hoặc

b) Việc mua cổ phần của Cổ đông đó hoặc của bất kỳ người nào có liên quan đến Cổ đông đó.

4. Đại hội đồng Cổ đông phải thảo luận và biểu quyết đối với tất cả các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp.

Điều 15. Các đại diện được ủy quyền.

1. Các Cổ đông có quyền tham dự Đại hội đồng Cổ đông có thể trực tiếp tham dự hoặc ủy quyền cho đại diện của mình tham dự. Đại diện được ủy quyền không nhất thiết phải là Cổ đông Công ty. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu của mỗi người đại diện.

2. Việc ủy quyền cho người đại diện tham dự họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập bằng văn bản theo mẫu chung của Công ty và phải có chữ ký theo quy định sau đây:

a) Trường hợp cổ đông cá nhân là người ủy quyền thì phải có chữ ký của người ủy quyền và người được ủy quyền dự họp; và

b) Trường hợp cổ đông là tổ chức là người ủy quyền thì phải có chữ ký của người đại diện theo ủy quyền, người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp và có dấu hợp lệ của tổ chức đó;

c) Trong trường hợp khác thì phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền.

3. Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng Cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền trước khi vào phòng họp.

4. Trường hợp văn bản chỉ định đại diện được ủy quyền được một Luật sư ký thay mặt cho người ủy quyền thì thư ủy quyền cho Luật sư hoặc bản sao có xác nhận hợp lệ của thư ủy quyền đó phải được (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty) nộp cùng với văn bản chỉ định đại diện được ủy quyền. Nếu điều này không được thực hiện thì việc chỉ định ủy quyền sẽ bị coi là không có hiệu lực.

5. Lá phiếu biểu quyết của đại diện được uỷ quyền trong phạm vi được uỷ quyền sẽ có hiệu lực ngay cả khi Cổ đông chỉ định đại diện uỷ quyền đó đã:

- a) Chết hoặc bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;
- b) Đã huỷ bỏ việc chỉ định uỷ quyền; hoặc
- c) Đã huỷ bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc uỷ quyền.

Tuy nhiên, điều khoản này sẽ không áp dụng nếu Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện nêu trên ít nhất 48 giờ trước khi bắt đầu cuộc họp hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

Điều 16. Thay đổi các quyền.

1. Với sự chấp thuận của Đại hội đồng Cổ đông như được quy định tại Khoản 2 Điều 14 của Điều lệ này, khi vốn cổ phần của Công ty được chia thành các loại cổ phần khác nhau thì theo Luật doanh nghiệp, các quyền đặc biệt gắn liền với từng loại cổ phần đó có thể được thay đổi hoặc huỷ bỏ với sự nhất trí bằng văn bản của những người nắm giữ ít nhất 75% số cổ phần có quyền biểu quyết của các cổ phần đã phát hành của loại đó hoặc với Nghị quyết được thông qua bởi những người nắm giữ ít nhất 75% số cổ phần có quyền biểu quyết của tất cả các Cổ đông có mặt tại một cuộc họp của riêng những người nắm giữ loại cổ phần đó.

2. Số lượng đại biểu cần thiết để tổ chức một cuộc họp như vậy ít nhất là hai (02) hoặc nhiều hơn Cổ đông (hoặc đại diện được uỷ quyền của họ) nắm giữ ít nhất một phần ba (1/3) giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp cuộc họp không có đủ số đại biểu như trên thì cuộc họp sẽ được tổ chức lại trong vòng 30 ngày sau đó và bất kỳ một người nào nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Cũng tại các cuộc họp riêng biệt nêu trên, bất kỳ người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện đều có thể yêu cầu bỏ phiếu kín và mỗi người khi bỏ phiếu kín đều có một (01) lá phiếu cho mỗi cổ phần được sở hữu thuộc loại đó.

3. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 18 và Điều 20.

4. Trừ khi các điều khoản về phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với từng loại cổ phần có quyền ưu đãi trong một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến

chia sẻ lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty sẽ không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

Điều 17. Triệu tập Đại hội đồng Cổ đông, chương trình họp và thông báo họp.

1. Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng Cổ đông, trừ các trường hợp quy định tại Điểm b và c Khoản 4 Điều 13 Điều lệ này.

2. Người triệu tập Đại hội đồng Cổ đông phải thực hiện những nhiệm vụ sau đây:

a) Chuẩn bị một danh sách các Cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại Đại hội đồng trong vòng 30 ngày trước ngày bắt đầu tiến hành Đại hội đồng Cổ đông; Chương trình họp và các tài liệu phù hợp với quy định của pháp luật và của Công ty;

b) Xác định thời gian và địa điểm tổ chức Đại hội; và

c) Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng Cổ đông cho tất cả các Cổ đông có quyền dự họp.

3. Thông báo họp Đại hội đồng Cổ đông phải bao gồm chương trình họp và các thông tin liên quan về các vấn đề sẽ được thảo luận và biểu quyết tại Đại hội. Đối với các cổ đông đã thực hiện việc lưu ký cổ phiếu, thông báo họp Đại hội đồng Cổ đông có thể được gửi đến tổ chức lưu ký, đồng thời công bố trên phương tiện thông tin của Sở Giao dịch Chứng khoán hoặc Trung tâm Giao dịch Chứng khoán, trên website của Công ty, 01 tờ báo Trung ương hoặc 01 tờ báo địa phương nơi Công ty đóng trụ sở chính. Đối với Cổ đông chưa thực hiện việc lưu ký cổ phiếu, thông báo họp Đại hội đồng cổ đông có thể được gửi cho Cổ đông bằng cách chuyển tận tay hoặc gửi qua bưu điện bằng phương thức bảo đảm tới địa chỉ đăng ký của Cổ đông, hoặc tới địa chỉ do Cổ đông đó cung cấp để phục vụ việc gửi thông tin. Nếu Cổ đông đã thông báo cho Công ty bằng văn bản về số fax hoặc địa chỉ thư điện tử thì thông báo họp có thể sẽ được gửi tới số fax hoặc địa chỉ thư điện tử đó. Trong trường hợp Cổ đông là người làm việc trong Công ty thì thông báo có thể được đựng trong phong bì dán kín gửi tận tay họ tại nơi họ làm việc. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi ít nhất mười lăm (15) ngày làm việc trước ngày họp Đại hội đồng Cổ đông (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). Nếu Công ty có Website, thông báo về họp Đại hội đồng Cổ đông phải được công bố trên đó đồng thời với việc gửi thông báo cho các Cổ đông .

4. Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông được đề cập tại Khoản 3 Điều 11 của Điều lệ này có quyền đề xuất các vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng Cổ đông. Đề xuất phải

được làm bằng văn bản và phải được gửi cho Công ty ít nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông. Đề xuất phải bao gồm họ tên Cổ đông, số lượng và loại cổ phần người đó nắm giữ và nội dung đề nghị đưa vào chương trình họp.

5. Người triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông chỉ có quyền từ chối những đề xuất liên quan đến Khoản 4 của Điều này nếu:

- a) Đề xuất không được gửi đúng thời hạn, không đủ, không đúng nội dung;
- b) Vào thời điểm đề xuất, Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông không sở hữu ít nhất trên 3 số cổ phần phổ thông trong thời gian liên tục từ sáu tháng trở lên.
- c) Vấn đề đề xuất không thuộc phạm vi thẩm quyền của Đại hội đồng Cổ đông bàn bạc và quyết nghị.

6. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị dự thảo Nghị quyết cho từng vấn đề trong chương trình họp,

7. Nếu tất cả các Cổ đông đại diện 100% số cổ phần có quyền biểu quyết hiện diện trực tiếp hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền tại Đại hội đồng Cổ đông thì những Nghị quyết được Đại hội đồng nhất trí thông qua được coi là hợp lệ ngay cả khi việc triệu tập Đại hội đồng Cổ đông không theo đúng thủ tục hoặc nội dung biểu quyết không được đưa vào chương trình.

Điều 18. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng Cổ đông và ghi biên bản Đại hội đồng Cổ đông.

1. Cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông được tiến hành khi có số Cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất 65% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

2. Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông phải được triệu tập lại trong vòng 30 ngày kể từ ngày dự định tổ chức Đại hội đồng Cổ đông lần thứ nhất. Trong Đại hội đồng Cổ đông triệu tập lại cần có số thành viên tham dự là các Cổ đông và những đại diện được uỷ quyền dự họp đại diện cho ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

3. Trường hợp Đại hội lần thứ hai không có đủ số đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông lần thứ ba có thể được triệu tập trong vòng 20 ngày kể từ ngày dự định tiến hành Đại hội lần thứ hai và trong trường hợp này Đại hội được tiến hành không phụ thuộc vào số lượng Cổ đông hay

đại diện uỷ quyền và được coi là hợp lệ và đều có quyền quyết định tất cả các vấn đề mà Đại hội đồng Cổ đông lần thứ nhất có thể phê chuẩn .

4. Theo đề nghị của Chủ toạ, Đại hội đồng Cổ đông có quyền thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp theo quy định tại Điều 17.3 của Điều lệ này.

Điều 19: Thẻ thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng Cổ đông

1. Vào ngày tổ chức Đại hội đồng Cổ đông, Công ty phải thực hiện thủ tục đăng ký Cổ đông và phải được tiến hành cho đến khi tất cả các Cổ đông có quyền dự họp.

2. Khi tiến hành đăng ký Cổ đông, Công ty sẽ cấp cho mỗi Cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết tương ứng với vấn đề cần biểu quyết, trên đó có ghi số đăng ký, họ và tên của Cổ đông, họ và tên đại diện được uỷ quyền và số phiếu biểu quyết của Cổ đông đó. Việc biểu quyết tại Đại hội sẽ được tiến hành bằng cách thu số thẻ biểu quyết tán thành Nghị quyết trước, sau đó thu số thẻ phản đối Nghị quyết, cuối cùng kiểm phiếu tập hợp tổng số phiếu tán thành hay phản đối để quyết định. Tổng số phiếu ủng hộ, phản đối từng vấn đề hoặc bỏ phiếu trắng sẽ được Chủ toạ thông báo ngay trước khi bế mạc Đại hội. Đại hội sẽ tự chọn trong số đại biểu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu và nếu Đại hội không chọn thì Chủ toạ sẽ chọn những người đó. Số thành viên của Ban kiểm phiếu không quá ba người.

3. Cổ đông đến dự họp Đại hội đồng Cổ đông muộn có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết ngay tại Đại hội, nhưng Chủ toạ không có trách nhiệm dừng Đại hội đó để cho họ đăng ký và hiệu lực của các đợt biểu quyết đã tiến hành trước đó sẽ không bị ảnh hưởng.

4. Đại hội đồng Cổ đông sẽ do Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì, trường hợp Chủ tịch HĐQT vắng mặt thì Phó Chủ tịch Hội đồng hoặc bất kỳ người nào khác do Đại hội đồng bầu ra sẽ chủ trì. Trường hợp không ai trong số họ có thể chủ trì Đại hội, thành viên Hội đồng quản trị có mặt với chức vụ cao nhất sẽ tổ chức cuộc họp để bầu ra Chủ Toạ của Đại hội, Chủ toạ không nhất thiết phải là thành viên Hội đồng quản trị. Chủ tịch, Phó chủ tịch hoặc Chủ toạ được Đại hội đồng cổ đông bầu ra đề cử ít nhất một Thư ký để lập biên bản Đại hội. Trường hợp bầu Chủ toạ, tên Chủ toạ được đề cử và số phiếu bầu cho Chủ toạ phải được công bố ngay tại Đại hội.

5. Quyết định của Chủ toạ về vấn đề trình tự, thủ tục hoặc các sự kiện phát sinh ngoài chương trình của Đại hội đồng Cổ đông sẽ mang tính quyết định cao nhất.

6. Không cần lấy ý kiến của Đại hội, Chủ tọa Đại hội đồng Cổ đông có thể hoãn họp Đại hội ngay cả trong trường hợp đã có đủ số đại biểu cần thiết đến một thời điểm khác và tại một địa điểm do Chủ tọa quyết định nếu nhận thấy rằng:

(a) Các thành viên tham dự không thể có chỗ ngồi thuận tiện ở địa điểm tổ chức Đại hội;

(b) Hành vi của những người có mặt làm mất trật tự hoặc có khả năng làm mất trật tự của cuộc họp, hoặc

(c) Sự trì hoãn là cần thiết để các công việc của Đại hội được tiến hành một cách hợp lệ. Ngoài ra, với sự nhất trí hoặc yêu cầu của Đại hội đồng Cổ đông đã có đủ số lượng đại biểu dự họp cần thiết, Chủ tọa Đại hội có thể hoãn Đại hội.

Thời gian hoãn tối đa không quá ba ngày kể từ ngày dự định khai mạc Đại hội. Đại hội họp lại sẽ chỉ xem xét các công việc lẽ ra đã được giải quyết hợp lệ tại Đại hội bị trì hoãn trước đó.

7. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại Khoản 6 Điều này, Đại hội đồng Cổ đông bầu một người khác trong số những thành viên tham dự để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc và hiệu lực các biểu quyết tại cuộc họp đó không bị ảnh hưởng.

8. Chủ tọa của Đại hội hoặc Thư ký của Đại hội có thể tiến hành hoạt động mà họ thấy cần thiết để điều khiển Đại hội đồng Cổ đông một cách hợp lệ và có trật tự; hoặc để Đại hội phản ánh được mong muốn của đa số tham dự.

9. Hội đồng quản trị có thể yêu cầu các Cổ đông hoặc Đại diện được ủy quyền muốn tham dự Đại hội đồng Cổ đông chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh khác mà Hội đồng quản trị cho là thích hợp. Trường hợp có cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền không chịu tuân thủ những quy định về kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh nói trên, sau khi xem xét một cách cẩn trọng, Hội đồng quản trị có thể từ chối không cho tham dự hoặc trục xuất Cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền đó ra khỏi Đại hội.

10. Hội đồng quản trị, sau khi đã xem xét một cách cẩn trọng, có thể tiến hành các biện pháp mà họ cho là thích hợp để:

a) Điều chỉnh số người có mặt tại địa điểm chính họp Đại hội đồng Cổ đông;

b) Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại địa điểm đó;

c) Tạo điều kiện cho Cổ đông tham dự Đại hội (hoặc tiếp tục tham dự).

Hội đồng quản trị có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp nếu Hội đồng quản trị thấy cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể bao gồm và không hạn chế từ việc cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng hình thức lựa chọn khác.

11. Trong trường hợp Đại hội đồng Cổ đông có áp dụng các biện pháp nói trên, khi xác định địa điểm Đại hội, Hội đồng quản trị có thể:

a) Thông báo rằng Đại hội sẽ được tiến hành tại địa điểm ghi trong thông báo và Chủ toạ Đại hội sẽ có mặt tại đó (“địa điểm Đại hội chính”);

b) Bố trí, tổ chức để những Cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền không dự họp được theo điều khoản này hoặc những người muốn tham gia ở địa điểm khác với địa điểm Đại hội chính có thể đồng thời tham dự Đại hội.

Thông báo về việc tổ chức Đại hội không cần phải nêu chi tiết về những biện pháp tổ chức theo Điều khoản này .

12. Trong Điều lệ này (trừ khi hoàn cảnh yêu cầu khác nói tại Điều này), mọi Cổ đông sẽ được coi là tham dự Đại hội ở địa điểm chính của Đại hội.

Điều 20: Thông qua quyết định của Đại hội đồng Cổ đông

1. Trừ trường hợp quy định tại Khoản 2 của Điều này, các quyết định của Đại hội đồng Cổ đông về các vấn đề sau đây sẽ được thông qua khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu bầu của các Cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền có mặt tại Đại hội đồng Cổ đông:

- a. Thông qua báo cáo tài chính hàng năm;
- b. Kế hoạch phát triển ngắn và dài hạn của Công ty;
- c. Bầu, bãi miễn và thay thế thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.

2. Các quyết định của Đại hội đồng Cổ đông liên quan đến việc sửa đổi và bổ sung Điều lệ, loại cổ phần và số lượng cổ phần được chào bán, sáp nhập, tái tổ chức và giải thể Công ty, giao dịch bán tài sản Công ty hoặc các công ty con, chi nhánh thực hiện có giá trị từ 50% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty và các công ty con, chi nhánh của Công ty tính theo sổ sách kế toán đã được kiểm toán gần nhất sẽ chỉ được thông qua khi có từ 75% trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua Đại diện được uỷ quyền có mặt tại Đại hội đồng Cổ đông.

Điều 21. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến Cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng Cổ đông.

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến Cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng Cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Các Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông có thể được biểu quyết thông qua bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản nếu được các Cổ đông đại diện cho ít nhất 75% tổng số cổ phần biểu quyết chấp thuận theo các thủ tục quy định tại Luật Doanh nghiệp và khoản 2 của Điều này.

2. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến Cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng Cổ đông bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty.

3. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo quyết định của Đại hội đồng Cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo quyết định. Phiếu lấy ý kiến kèm theo dự thảo quyết định và tài liệu giải trình phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến địa chỉ thường trú của từng cổ đông.

4. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh của Công ty;

b) Mục đích lấy ý kiến;

c) Họ tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của Cổ đông là cá nhân; Tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc đăng ký kinh doanh của Cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền của Cổ đông là tổ chức; Số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của Cổ đông;

d) Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;

e) Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến;

f) Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;

g) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của Công ty.

5. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của Cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của Cổ đông là tổ chức.

Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu. Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở đều không hợp lệ.

6. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của Cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh;

b. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;

c. Số Cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số phiếu biểu quyết không hợp lệ, kèm theo phụ lục danh sách Cổ đông tham gia biểu quyết;

d. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;

e. Các quyết định đã được thông qua;

f) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người đại diện theo pháp luật của Công ty và của người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị hoặc người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

7. Biên bản kết quả kiểm phiếu phải được gửi đến các Cổ đông trong vòng mười lăm (15) ngày kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu.

8. Quyết định được thông qua theo hình thức lấy ý kiến Cổ đông bằng văn bản có giá trị ngang với các quyết định được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông.

Điều 22: Biên bản họp Đại hội đồng Cổ đông.

Người Chủ trì Đại hội đồng Cổ đông chịu trách nhiệm tổ chức lưu trữ các biên bản Đại hội đồng Cổ đông và gửi cho tất cả các Cổ đông trong vòng 15 ngày khi Đại hội đồng Cổ đông kết thúc. Các biên bản này được coi là những bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại Đại hội đó, trừ khi có ý kiến phản đối được đưa ra một cách hợp lệ về nội dung biên bản trong vòng 10 ngày kể từ ngày gửi biên bản. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, được Chủ tọa đại hội và Thư ký ký xác nhận và được lập theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này. Các bản ghi chép, biên bản, sổ chữ ký của các Cổ đông dự họp và văn bản uỷ quyền tham dự phải được lưu giữ tại Văn phòng Công ty.

Điều 23: Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng Cổ đông

Trong thời hạn chín mươi ngày (90), kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng Cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng Cổ đông thì Cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Ban Kiểm soát có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng Cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty;
2. Trình tự, thủ tục ra quyết định và nội dung quyết định vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ Công ty.

CHƯƠNG VII HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 24: Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị.

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị ít nhất là năm (05) người và nhiều nhất là mười một (11) người, trong đó có 01 Chủ tịch và 01 Phó Chủ tịch. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị là năm (05) năm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế tại Đại hội đồng Cổ đông tiếp theo. Tổng số thành viên Hội đồng quản trị độc lập không tham gia điều hành Công ty phải chiếm ít nhất một phần ba tổng số thành viên Hội đồng quản trị.

2. Quyền đề cử của các Cổ đông, giới thiệu người ứng cử vào Hội đồng quản trị:

a) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu trên 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời gian liên tục ít nhất từ 6 tháng trở lên được quyền đề cử một ứng cử viên để bầu vào Hội đồng quản trị.

b) Những Cổ đông sở hữu từ dưới 10% (mười phần trăm) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời gian liên tục ít nhất từ 06 (sáu) tháng trở lên có quyền gộp số cổ phần có quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để trở thành nhóm cổ đông sở hữu trên 10% số cổ phần có quyền biểu quyết để đề cử ứng cử viên bầu vào Hội đồng quản trị. Nếu như tổng số cổ phần có quyền biểu quyết mà họ nắm giữ chiếm trong khoảng trên 10% (mười phần trăm) đến 30% (ba mươi phần trăm) thì họ có quyền đề cử 01 (một) thành viên Hội đồng quản trị; nếu chiếm trên 30% (ba mươi phần trăm) đến 50% (năm mươi phần trăm) thì họ sẽ được đề cử 02 (hai) thành viên; nếu trên 50% (năm mươi phần trăm) đến 70% (bảy mươi phần trăm) thì họ được đề cử 03 (ba) thành viên; nếu lớn hơn 70% (bảy mươi phần trăm) thì họ được đề cử 04 (bốn) thành viên.

c) Trường hợp việc đề cử, giới thiệu ứng cử viên như các Tiết a, b của Điều này vẫn không đủ số lượng cần thiết thì Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo một cơ chế do Công ty quy định. Cơ chế đề cử hay cách thức Hội đồng quản trị đương nhiệm đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng Cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.

3. Thành viên Hội đồng quản trị sẽ không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau:

a) Thành viên đó không đủ tư cách làm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp hoặc bị pháp luật cấm không được làm thành viên Hội đồng quản trị.

b) Thành viên đó có đơn bằng văn bản xin từ chức gửi đến Trụ sở chính của Công ty.

c) Thành viên đó bị ảnh hưởng của sự rối loạn tâm thần và các thành viên khác của Hội đồng quản trị có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi.

d) Thành viên đó vắng mặt, không tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị liên tục trong thời gian ít nhất 06 tháng mà không có sự cho phép của Hội đồng quản trị và Hội đồng quản trị đã quyết nghị rằng chức vụ của người này bị bỏ trống;

e) Thành viên đó bị cách chức thành viên Hội đồng quản trị theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông.

4. Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị mới để thay thế chỗ trống phát sinh trong Hội đồng quản trị và các thành viên mới này phải được chấp thuận tại Đại hội đồng Cổ đông tiếp sau đó. Ngay khi được Đại hội đồng Cổ đông chấp thuận, việc bổ nhiệm sẽ được coi là có hiệu lực vào ngày được Hội đồng quản trị bổ nhiệm.

5. Việc bổ nhiệm các thành viên Hội đồng quản trị phải được thông báo theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

6. Thành viên Hội đồng quản trị không nhất thiết phải là người sở hữu cổ phần của Công ty, nhưng phải đủ điều kiện, tiêu chuẩn làm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

Điều 25. Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị.

1. Hoạt động kinh doanh và các công việc của Công ty phải chịu sự quản lý hoặc chỉ đạo thực hiện của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có đầy đủ quyền hạn để nhân danh Công ty quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền và lợi ích của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng Cổ đông.

Các thành viên Hội đồng quản trị không được chuyển nhượng cổ phần của Công ty do họ sở hữu trong suốt thời gian đương nhiệm, trừ trường hợp được Hội đồng quản trị chấp thuận.

2. Hội đồng quản trị có trách nhiệm giám sát Tổng giám đốc điều hành và những người quản lý khác trong Công ty.

3. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do pháp luật, Điều lệ, các quy chế nội bộ của Công ty và Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có quyền hạn và nhiệm vụ sau:

a) Quyết định kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh và ngân sách hàng năm;

b) Xác định mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược do Đại hội đồng Cổ đông thông qua;

c) Bổ nhiệm, miễn nhiệm và cách chức Tổng giám đốc điều hành; các cán bộ quản lý khác của Công ty theo đề nghị của Tổng giám đốc điều hành và quyết định mức lương của họ;

d) Quyết định cơ cấu tổ chức của Công ty;

e) Giải quyết các khiếu nại của Công ty đối với cán bộ quản lý cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Công ty trong quá trình thực hiện các thủ tục pháp lý chống lại cán bộ quản lý liên quan đến khiếu nại đó;

f) Đề xuất các loại cổ phần có thể phát hành và tổng số cổ phần phát hành theo từng loại;

g) Quyết định và thực hiện việc phát hành trái phiếu Công ty, trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu và các chứng quyền cho phép người sở hữu mua cổ phiếu theo một giá xác định trước;

h) Quyết định giá bán trái phiếu, cổ phần và các chứng khoán chuyển đổi khác;

i) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức Tổng giám đốc điều hành hay bất kỳ cán bộ quản lý hoặc người đại diện nào của Công ty nếu Hội đồng quản trị cho rằng đó là vì lợi ích tối cao của Công ty. Tuy nhiên, việc bãi nhiệm đó không được trái với các quyền theo hợp đồng của những người bị bãi nhiệm (nếu có);

j) Đề xuất để Đại hội đồng Cổ đông thông qua mức cổ tức được trả hàng năm và xác định mức cổ tức tạm thời, việc chia cổ tức hoặc thưởng bằng cổ phiếu; Tổ chức thực hiện việc chi trả cổ tức theo trình tự, thủ tục do pháp luật quy định;

k) Đề xuất việc tái cơ cấu lại hoặc giải thể Công ty.

4. Những vấn đề sau đây phải được Hội đồng quản trị phê chuẩn hoặc quyết định:

a) Việc thành lập Chi nhánh hoặc các Văn phòng đại diện của Công ty;

b) Việc thành lập các Công ty con của Công ty;

c) Trong phạm vi quy định tại Khoản 2 Điều 108 của Luật doanh nghiệp, Hội đồng quản trị quyết định, tùy từng thời điểm, việc thực hiện, sửa đổi và huỷ bỏ các hợp đồng lớn của Công ty (bao gồm các hợp đồng mua bán, sáp nhập, thuê tóm Công ty và liên doanh) trừ trường hợp được quy định tại Khoản 3 Điều 120 Luật doanh nghiệp đều phải do Đại hội đồng Cổ đông phê chuẩn;

d) Chỉ định hoặc bãi nhiệm những người được Công ty uỷ nhiệm là đại diện thương mại có thẩm quyền hoặc Luật sư của Công ty;

- e) Quyết định việc sử dụng các quỹ, việc vay nợ và thực hiện mọi khoản thế chấp bảo đảm, bảo lãnh và bồi thường của Công ty;
- f) Quyết định các khoản đầu tư không nằm trong kế hoạch kinh doanh, thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng quản trị theo quy chế phân cấp đầu tư của Công ty hoặc các khoản đầu tư vượt quá 10% giá trị kế hoạch và ngân sách kinh doanh hàng năm;
- g) Quyết định việc mua hoặc bán cổ phần của những Công ty khác được thành lập ở Việt nam hay ở nước ngoài;
- h) Quyết định việc định giá tài sản góp vốn vào Công ty không phải bằng tiền mặt liên quan đến việc phát hành cổ phần hoặc trái phiếu của Công ty, bao gồm vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ và bí quyết công nghệ;
- i) Quyết định việc Công ty mua lại hoặc thu hồi không quá 10% số cổ phần đã bán theo từng loại;
- j) Bất kỳ vấn đề kinh doanh hoặc giao dịch nào khác mà Hội đồng quản trị quyết định cần phải có sự chấp thuận trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình;
- k) Quyết định mức giá mua hoặc thu hồi cổ phần của Công ty.

5. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng Cổ đông về mọi hoạt động của mình, cụ thể là việc giám sát của Hội đồng quản trị đối với Tổng giám đốc điều hành và những cán bộ quản lý khác trong năm tài chính. Nếu không có báo cáo của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính thường niên của Công ty sẽ bị coi là không có giá trị và chưa được Hội đồng quản trị thông qua.

6. Hội đồng quản trị có thể uỷ quyền cho nhân viên cấp dưới hoặc các cán bộ quản lý để đại diện và hành động thay mặt cho Công ty, thậm chí cả khi vấn đề đòi hỏi việc đánh giá và đưa kết luận, trừ khi luật pháp và Điều lệ quy định khác.

7. Các thành viên Hội đồng quản trị (không kể các đại diện được uỷ quyền thay thế) được nhận thù lao cho công việc của họ với tư cách là thành viên Hội đồng quản trị. Tổng mức thù lao cho Hội đồng quản trị sẽ do Đại hội đồng Cổ đông quyết định. Khoản thù lao này sẽ được chia cho các thành viên Hội đồng quản trị theo thoả thuận hoặc nếu không thoả thuận được thì chia đều.

8. Tổng số tiền trả thù lao cho các thành viên Hội đồng quản trị và số tiền mà mỗi thành viên được nhận phải được ghi chú chi tiết trong Báo cáo thường niên của Công ty.

9. Thành viên nắm giữ bất kỳ một chức vụ điều hành nào (bao gồm cả chức vụ Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị và không tính đến việc chức vụ đó có được nắm giữ trong một khuôn khổ mang tính chất điều hành hay không), hoặc thành viên làm việc tại các Tiểu ban của Hội đồng quản trị, hoặc thành viên thực hiện những công việc khác mà theo quan điểm của Hội đồng quản trị là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm tiền thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận, hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

10. Các thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, kể cả mọi chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị, các Tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng Cổ đông.

Điều 26. Chủ tịch, Phó chủ tịch Hội đồng quản trị.

1. Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị lựa chọn trong số các thành viên của mình để bầu ra một (01) Chủ tịch và một (01) Phó chủ tịch. Trừ khi Đại hội đồng Cổ đông quyết định khác, Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ không kiêm chức Tổng giám đốc điều hành Công ty. Nếu Cổ đông chấp thuận rằng Chủ tịch có thể đồng thời kiêm Tổng Giám đốc điều hành, quyết định này cần phải được khẳng định hàng năm vào kỳ Đại hội đồng Cổ đông thường niên.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập và làm Chủ tọa Đại hội đồng Cổ đông và các cuộc họp của Hội đồng quản trị, đồng thời có những quyền và trách nhiệm khác quy định tại điều này và theo Luật doanh nghiệp. Phó Chủ tịch có các quyền và nghĩa vụ như Chủ tịch nếu được Chủ tịch uỷ quyền nhưng chỉ trong trường hợp Chủ tịch đã thông báo cho Hội đồng quản trị rằng mình vắng mặt hoặc phải vắng mặt vì những lý do bất khả kháng hoặc mất khả năng thực hiện nhiệm vụ của mình. Nếu Chủ tịch không chỉ định Phó Chủ tịch hành động như vậy thì các thành viên còn lại của Hội đồng quản trị sẽ chỉ định Phó Chủ tịch. Trường hợp cả Chủ tịch và Phó chủ tịch tạm thời không thể thực hiện nhiệm vụ của họ vì bất kỳ lý do nào đó thì Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm một người khác trong số họ để thực hiện nhiệm vụ của Chủ tịch theo nguyên tắc đa số quá bán.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải gửi báo cáo tài chính thường niên, báo cáo về tình hình chung của Công ty, báo cáo kiểm toán của Kiểm toán viên và báo cáo kiểm tra của Hội đồng quản trị cho các Cổ đông tham dự Đại hội đồng Cổ đông.

4. Trường hợp Chủ tịch và Phó chủ tịch Hội đồng quản trị từ chức hoặc bị bãi miễn vì bất kỳ lý do nào thì Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong vòng 10 ngày kể từ ngày từ chức hoặc bị bãi miễn.

Điều 27. Thành viên Hội đồng quản trị thay thế.

1. Mọi thành viên Hội đồng quản trị (nhưng không phải người được uỷ nhiệm thay thế cho thành viên đó) có thể chỉ định bất kỳ một thành viên Hội đồng quản trị khác, hoặc bất kỳ người nào khác được Hội đồng quản trị phê chuẩn và sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ này, làm người thay thế cho mình và có quyền bãi miễn người thay thế đó.

2. Thành viên Hội đồng quản trị thay thế có quyền nhận thông báo về mọi cuộc họp của Hội đồng quản trị và các Tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị mà người chỉ định họ là thành viên, có quyền tham gia và biểu quyết tại bất kỳ cuộc họp nào mà ở đó thành viên Hội đồng quản trị chỉ định họ không có mặt, và được uỷ quyền để thực hiện tất cả các chức năng của người chỉ định như là thành viên của Hội đồng quản trị trong trường hợp người chỉ định vắng mặt, nhưng không có quyền nhận bất kỳ khoản thù lao nào từ phía Công ty cho công việc của mình với tư cách là thành viên Hội đồng quản trị thay thế. Tuy nhiên, Công ty không bắt buộc phải gửi thông báo về các cuộc họp nói trên cho thành viên Hội đồng quản trị thay thế không có mặt tại Việt Nam.

3. Thành viên thay thế sẽ phải từ bỏ tư cách thành viên Hội đồng quản trị nếu người chỉ định anh ta không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị nữa. Nhưng nếu một thành viên Hội đồng quản trị hết nhiệm kỳ lại được tái bổ nhiệm hoặc được coi là đã được tái bổ nhiệm trong cùng Đại hội đồng Cổ đông mà thành viên đó thôi giữ chức do hết nhiệm kỳ thì việc chỉ định thành viên thay thế do người này chỉ định ngay trước thời điểm hết nhiệm kỳ sẽ tiếp tục có hiệu lực sau khi thành viên đó được tái bổ nhiệm.

4. Việc chỉ định hoặc bãi nhiệm thành viên thay thế phải được thực hiện bằng văn bản thông báo do thành viên Hội đồng quản trị chỉ định hoặc bãi nhiệm người thay thế ký gửi cho Công ty hoặc theo hình thức khác do Hội đồng quản trị phê chuẩn.

5. Ngoài những quy định khác đã được nêu trong Điều lệ này, một thành viên thay thế sẽ được coi như là thành viên Hội đồng quản trị về mọi phương diện và phải chịu trách

nhiệm cá nhân về hành vi và sai lầm của mình mà không được coi là người đại diện thừa hành sự uỷ quyền của thành viên Hội đồng quản trị đã chỉ định mình.

Điều 28. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị.

1. Trường hợp Hội đồng quản trị bầu Chủ tịch thì cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị để bầu Chủ tịch và ra các quyết định khác thuộc thẩm quyền phải được tiến hành trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất triệu tập. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên đã bầu theo nguyên tắc đa số một số người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Cuộc họp thường kỳ: Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền triệu tập các cuộc họp Hội đồng quản trị, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp ít nhất 07 ngày trước ngày họp dự kiến. Chủ tịch có thể triệu tập họp bất kỳ khi nào thấy cần thiết, nhưng ít nhất mỗi quý phải họp một lần .

3. Các cuộc họp bất thường: Chủ tịch phải triệu tập họp Hội đồng quản trị mà không được có bất kỳ lý do trì hoãn bất hợp lý nào khi một trong số các đối tượng sau đây đề nghị bằng một văn bản trình bày mục đích cuộc họp và các vấn đề cần bàn:

- a. Tổng giám đốc điều hành hoặc ít nhất 05 cán bộ quản lý;
- b. Ít nhất hai thành viên Hội đồng quản trị;
- c. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc;
- d. Theo đề nghị của đa số thành viên Ban kiểm soát.

4. Cuộc họp Hội đồng quản trị nêu tại Khoản 3 Điều 28 phải được tiến hành trong vòng mười lăm ngày (15) sau khi có đề xuất họp. Nếu Chủ tịch không chấp nhận triệu tập cuộc họp thì Chủ tịch phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; những người mong muốn tổ chức cuộc họp được đề cập đến ở Khoản 2 Điều này có thể tự mình triệu tập họp Hội đồng quản trị.

5. Theo yêu cầu của Kiểm toán viên độc lập, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình của Công ty.

6. Địa điểm họp: Các cuộc họp Hội đồng quản trị sẽ được tiến hành ở địa chỉ đã đăng ký của Công ty hoặc những địa chỉ khác tại Việt Nam hoặc ở nước ngoài theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng quản trị và phải được sự nhất trí của Hội đồng quản trị.

7. Thông báo và chương trình họp: Các cuộc họp phải được tiến hành trên cơ sở thông báo cho các thành viên Hội đồng quản trị ít nhất năm (05) ngày trước khi tổ chức, với điều kiện là các thành viên Hội đồng quản trị có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản và việc từ chối đó có thể có hiệu lực hồi tố. Thông báo về cuộc họp Hội đồng quản trị phải được làm bằng văn bản bằng tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ về chương trình họp, thời gian, địa điểm họp và phải được kèm theo những tài liệu cần thiết về những vấn đề sẽ được bàn bạc và biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng quản trị và cả các phiếu bầu cho các thành viên Hội đồng quản trị không thể dự họp.

8. Số thành viên tham dự tối thiểu: Cuộc họp Hội đồng quản trị chỉ có thể được tiến hành khi có ít nhất ba phần tư (3/4) tổng số thành viên Hội đồng quản trị có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện thay thế.

9. Biểu quyết:

a) Hội đồng quản trị thông qua quyết định bằng biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản. Trừ quy định tại Khoản 9 Mục b Điều này, mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được uỷ quyền trực tiếp với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị sẽ có một phiếu biểu quyết.

b) Thành viên Hội đồng quản trị sẽ không được biểu quyết về các hợp đồng hoặc giao dịch hoặc đề xuất nào mà thành viên đó hoặc bất kỳ người liên quan nào có lợi ích và lợi ích đó có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Một thành viên Hội đồng quản trị sẽ không được tính vào số lượng đại biểu tối thiểu cần thiết có mặt để có thể tổ chức một cuộc họp Hội đồng quản trị về bất kỳ quyết nghị nào mà thành viên đó không có quyền biểu quyết.

c) Theo quy định tại Khoản 9 Mục d Điều này, trong một cuộc họp của Hội đồng quản trị, nếu có bất kỳ vấn đề nào phát sinh liên quan đến mức độ lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị hoặc liên quan đến biểu quyết của bất kỳ thành viên nào mà những vấn đề đó không được giải quyết bằng sự tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết của thành viên đó, thì những vấn đề đó sẽ được chuyển tới Chủ tọa của cuộc họp và quyết định của vị Chủ tọa liên quan đến tất cả các thành viên Hội đồng quản trị khác sẽ có giá trị là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất và phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến vấn đề đó chưa được công bố một cách hợp thức theo Khoản 9 Điều này.

d) Bất kỳ thành viên Hội đồng quản trị nào hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại Điều 34 Khoản 4 Mục a và Điều 34 Khoản 4 Mục b của Điều lệ này sẽ được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó.

10. Công khai lợi ích: Một thành viên Hội đồng quản trị bằng cách này hay cách khác, trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Công ty sẽ phải tuyên bố bản chất, nội dung của quyền lợi đó trong cuộc họp Hội đồng quản trị lần đầu tiên xem xét vấn đề ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này nếu khi đó thành viên này đã biết là mình có lợi ích trong đó. Hoặc thành viên này có thể tuyên bố điều đó tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng liên quan.

11. Biểu quyết đa số: Các Nghị quyết và Quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua khi có ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có mặt trực tiếp (trên 50%). Nếu số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, bên có lá phiếu của Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ có giá trị quyết định cuối cùng.

12. Việc bỏ phiếu của người vắng mặt: Thành viên Hội đồng quản trị vắng mặt có thể biểu quyết về Nghị quyết của Hội đồng quản trị bằng phương thức bỏ phiếu bằng văn bản. Những phiếu bằng văn bản này phải được chuyển tới Chủ tịch hoặc nếu không gửi được cho Chủ tịch thì gửi cho Thư ký Công ty ít nhất 01 giờ trước thời gian dự kiến họp.

13. Họp trên điện thoại hoặc các hình thức khác: Một cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức nghị sự giữa các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:

- a) Nghe từng thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;
- b) Nếu muốn, người đó có thể phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời.

Việc trao đổi giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp, qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác (cho dù là đã được sử dụng vào thời điểm thông qua Điều lệ hay sau này mới được sử dụng) hoặc là kết hợp tất cả những phương thức này. Theo Điều lệ này, mỗi thành viên Hội đồng quản trị tham dự họp trong một cuộc họp như vậy được coi là "có mặt" tại cuộc họp đó. Một cuộc họp được tổ chức theo quy định này được coi là diễn ra tại địa điểm mà nhóm thành viên Hội đồng quản trị đông nhất tập họp lại,

hoặc nếu không có một nhóm như vậy thì địa điểm mà Chủ tọa cuộc họp hiện diện sẽ được coi là địa điểm tổ chức cuộc họp.

Các nghị quyết được thông qua trong một cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức sẽ có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định sau đó bằng các chữ ký của các tất cả thành viên tham dự cuộc họp này trong biên bản cuộc họp.

14. Nghị quyết bằng văn bản.

Nghị quyết bằng văn bản phải được ký bởi tất cả những thành viên Hội đồng quản trị sau đây:

a) Những thành viên có quyền biểu quyết về nghị quyết tại cuộc họp của Hội đồng quản trị;

b) Số lượng thành viên có mặt không thấp hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định để tiến hành họp .

Nghị quyết loại này có hiệu lực và giá trị ngang với một Nghị quyết được các thành viên Hội đồng quản trị thông qua tại một cuộc họp được triệu tập và tổ chức theo thông lệ. Nghị quyết có thể được thông qua bằng cách sử dụng nhiều bản sao của cùng một văn bản nếu mỗi bản sao đó có ít nhất một chữ ký xác nhận của thành viên.

15. Biên bản cuộc họp Hội đồng quản trị: Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm chuyển biên bản cuộc họp của Hội đồng quản trị cho các thành viên và những biên bản đó sẽ phải được xem như những bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong các cuộc họp đó, trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày gửi đi. Các biên bản sẽ phải được lập bằng tiếng Việt và phải được ký bởi tất cả các thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp.

16. Những người được mời họp dự thính: Tổng Giám đốc điều hành, những cán bộ quản lý khác và các chuyên gia của một bên thứ ba có thể dự họp Hội đồng quản trị theo lời mời của Hội đồng quản trị, nhưng không được biểu quyết trừ khi bản thân họ có quyền được biểu quyết như thành viên Hội đồng quản trị.

17. Các tiểu ban của Hội đồng quản trị: Hội đồng quản trị có thể thành lập và ủy quyền hành động cho các Tiểu ban trực thuộc. Thành viên của tiểu ban có thể bao gồm một hoặc nhiều thành viên của Hội đồng quản trị và một hoặc nhiều thành viên khác bên ngoài

theo quyết định của Hội đồng quản trị. Trong quá trình thực hiện quyền hạn được uỷ thác, mọi Tiểu ban đều phải tuân thủ các quy định mà Hội đồng quản trị đề ra. Những quy định này có thể điều chỉnh hoặc cho phép kết nạp thêm những người không phải là thành viên Hội đồng quản trị vào các Tiểu ban nêu trên và cho phép người đó được quyền biểu quyết với tư cách thành viên của Tiểu ban nhưng:

(a) Số lượng thành viên bên ngoài phải ít hơn một nửa (1/2) tổng số thành viên của Tiểu ban; và

(b) Nghị quyết của Tiểu ban đó sẽ có hiệu lực khi có đa số thành viên có mặt và biểu quyết tại cuộc họp tiểu ban là thành viên Hội đồng quản trị.

17. Giá trị pháp lý của hành động: Mọi hành động thực hiện quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của bất kỳ Tiểu ban nào trực thuộc Hội đồng quản trị hoặc do bất kỳ người nào với tư cách thành viên của Tiểu ban đó sẽ được coi là có giá trị pháp lý kể cả trong trường hợp việc bầu, chỉ định thành viên của Tiểu ban hoặc Hội đồng quản trị có thể có những sai sót.

CHƯƠNG VIII

TỔNG GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH, CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC VÀ THƯ KÝ CÔNG TY

Điều 29. Tổ chức bộ máy quản lý.

Công ty sẽ phải ban hành một hệ thống quản lý mà theo đó bộ máy quản lý sẽ chịu trách nhiệm và nằm dưới sự lãnh đạo, kiểm soát của Hội đồng quản trị. Công ty có một Tổng giám đốc điều hành; Một hoặc một số Phó Tổng giám đốc điều hành và một (01) Kế toán trưởng do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Tổng giám đốc điều hành và các Phó Tổng giám đốc điều hành có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị và do Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc bãi miễn theo một Nghị quyết được thông qua một cách hợp thức.

Điều 30. Cán bộ quản lý.

1. Theo đề nghị của Tổng giám đốc điều hành và sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty sẽ có một số lượng nhất định và các loại cán bộ quản lý cần thiết hoặc thích hợp để thực hiện các cơ cấu và thông lệ quản lý Công ty do Hội đồng quản trị đề xuất tùy từng thời

điểm. Cán bộ quản lý phải có tiêu chuẩn và sự cẩn thận cần thiết để các hoạt động và tổ chức của Công ty đạt được các mục tiêu đề ra.

2. Mức lương, tiền thù lao, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với Tổng giám đốc điều hành sẽ phải do Hội đồng quản trị quyết định và hợp đồng của những cán bộ quản lý khác sẽ do Hội đồng quản trị quyết định sau khi tham khảo ý kiến của Tổng giám đốc điều hành.

Điều 31. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng Giám đốc điều hành.

1. Bổ nhiệm.

Hội đồng quản trị sẽ bổ nhiệm một thành viên trong Hội đồng quản trị hoặc tuyển chọn một người khác làm Tổng giám đốc điều hành và sẽ ký hợp đồng quy định mức lương, thù lao, lợi ích và các điều khoản khác liên quan đến việc tuyển chọn. Thông tin về mức lương, trợ cấp, quyền lợi của Tổng giám đốc điều hành phải được báo cáo cho Đại hội đồng Cổ đông Thường niên và được nêu trong báo cáo thường niên của Công ty.

2. Nhiệm kỳ.

Căn cứ theo Điều 26 của Điều lệ này, Tổng giám đốc điều hành có thể không kiêm Chủ tịch Hội đồng quản trị. Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc điều hành là ba (03) năm trừ khi Hội đồng quản trị có quy định khác và có thể được tái bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động. Tổng giám đốc điều hành không được phép là những người bị pháp luật cấm giữ chức vụ này, tức là những người vị thành niên, người không đủ năng lực hành vi, người đã bị kết án tù, người đang thi hành hình phạt tù, nhân viên lực lượng vũ trang, các cán bộ công chức nhà nước và người đã bị phán quyết là đã làm cho công ty mà họ từng lãnh đạo trước đây bị phá sản.

3. Quyền hạn và Nhiệm vụ.

Tổng giám đốc điều hành có những quyền hạn và trách nhiệm sau:

a) Thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng Cổ đông, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng Cổ đông thông qua;

b) Quyết định tất cả các vấn đề không cần phải có quyết nghị của Hội đồng quản trị, bao gồm việc thay mặt Công ty ký kết các hợp đồng Kinh tế, Dân sự trong các lĩnh vực tài

chính và thương mại và các lĩnh vực có liên quan khác, tổ chức và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh thường nhật của Công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất;

c) Kiến nghị về số lượng và các loại cán bộ quản lý mà Công ty cần thuê để Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm khi cần thiết nhằm thực hiện các thông lệ quản lý tốt nhất cũng như các cơ cấu do Hội đồng quản trị đề xuất và tư vấn cho Hội đồng quản trị để quyết định mức lương, thù lao, các lợi ích và các điều khoản khác của hợp đồng lao động của cán bộ quản lý;

d) Tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để quyết định số lượng người lao động, mức lương, trợ cấp, lợi ích, việc bổ nhiệm, miễn nhiệm và các điều khoản khác liên quan đến hợp đồng lao động của họ;

e) Vào ngày 31 tháng 10 hàng năm, Tổng giám đốc điều hành phải trình Hội đồng quản trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các mục tiêu phát triển của Công ty và phù hợp với kế hoạch tài chính 05 năm.

f) Tổ chức thực thi kế hoạch kinh doanh hàng năm do Đại hội đồng Cổ đông và Hội đồng quản trị thông qua;

g) Đề xuất những biện pháp nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động và quản lý của Công ty;

h) Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng tháng của Công ty (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng tháng của Công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bản cân đối kế toán, báo cáo hoạt động sản xuất kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền dự kiến) cho từng năm tài chính sẽ phải được trình cho Hội đồng quản trị để thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của Công ty.

i) Thực hiện tất cả các hoạt động khác theo quy định của Điều lệ này và các quy chế của Công ty, các Nghị quyết của Hội đồng quản trị, hợp đồng lao động của Tổng giám đốc điều hành và pháp luật.

4. Báo cáo lên Hội đồng quản trị và các Cổ đông.

Tổng giám đốc điều hành chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng Cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo cho những cơ quan này khi được yêu cầu.

5. Bãi nhiệm.

Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Tổng Giám đốc điều hành khi có ít nhất 2/3 thành viên Hội đồng quản trị biểu quyết tán thành (không kể biểu quyết của Tổng giám đốc điều hành trong trường hợp này) và bổ nhiệm một Tổng giám đốc điều hành mới thay thế. Tổng Giám đốc điều hành bị bãi nhiệm có quyền phản đối việc bãi nhiệm này tại Đại hội đồng Cổ đông tiếp theo.

Điều 32. Thư ký Công ty

Hội đồng quản trị sẽ chỉ định một hoặc nhiều hơn làm Thư ký Công ty với nhiệm kỳ và những điều khoản theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm một Thư ký Công ty vào bất kỳ thời điểm nào nhưng không trái với các quy định pháp luật về lao động hiện hành. Có thể cử hai hay nhiều người cùng làm Đồng Thư ký Công ty. Hội đồng quản trị cũng có thể bổ nhiệm một hay nhiều Trợ lý Thư ký Công ty tùy từng thời điểm. Vai trò và nhiệm vụ của Thư ký Công ty bao gồm:

- a) Tổ chức các cuộc họp của Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng Cổ đông theo lệnh của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Ban Kiểm soát;
- b) Làm biên bản các cuộc họp;
- c) Tư vấn về thủ tục tiến hành các cuộc họp;
- d) Cung cấp thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát.

Thư ký Công ty có trách nhiệm bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

CHƯƠNG IX

NHIỆM VỤ CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, TỔNG GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH VÀ CÁN BỘ QUẢN LÝ

Điều 33. Trách nhiệm cẩn trọng của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc điều hành và cán bộ quản lý.

Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc điều hành và cán bộ quản lý được uỷ thác trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các Tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực và theo phương thức mà họ tin là vì lợi ích cao nhất của Công ty và với một mức độ cẩn trọng mà bất kỳ một người thận trọng nào khác cũng cần phải có khi đảm nhiệm vị trí tương đương và trong hoàn cảnh tương tự nhằm bảo đảm lợi ích hợp tối đa của Công ty và Cổ đông của Công ty.

Điều 34. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi.

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc điều hành và cán bộ quản lý không được phép sử dụng quyền hạn của mình vì mục đích cá nhân, những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Công ty; đồng thời không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của bất kỳ tổ chức hoặc cá nhân nào khác.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc điều hành và cán bộ quản lý có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị mọi lợi ích có thể gây xung đột với lợi ích của Công ty mà họ có thể được hưởng thông qua các pháp nhân kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác. Những đối tượng này chỉ có thể sử dụng những cơ hội đó khi các thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan đã quyết định không truy cứu vấn đề này.

3. Công ty không được phép cấp các khoản vay, bảo lãnh hoặc tín dụng cho các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc điều hành, cán bộ quản lý và gia đình của họ hoặc bất kỳ pháp nhân nào mà ở đó những người này có các lợi ích tài chính, trừ khi Đại hội đồng Cổ đông có quyết định khác.

4. Theo Điều 120 của Luật Doanh nghiệp, một hợp đồng hoặc giao dịch giữa Công ty và một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc điều hành, cán bộ quản lý hoặc những người liên quan đến họ hoặc bất kỳ Công ty, đối tác, hiệp hội, hoặc tổ chức nào khác mà ở đó một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, cán bộ quản lý hoặc những người liên quan đến họ là thành viên hoặc có liên quan lợi ích tài chính, sẽ không bị vô hiệu chỉ vì những mối quan hệ vừa nêu, hoặc chỉ vì Thành viên Hội đồng quản trị đó hoặc cán bộ quản lý đó có mặt hoặc tham gia vào cuộc họp liên quan hoặc vào Hội đồng quản trị hay Tiểu ban đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch hoặc chỉ vì những phiếu bầu của họ cũng được tính khi biểu quyết về mục đích đó, nếu:

a) Đối với hợp đồng có giá trị từ hai mươi (20)% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những yếu tố quan trọng về hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của cán bộ quản lý hoặc thành viên Hội đồng quản trị đã được báo cáo cho Hội đồng quản trị hoặc Tiểu ban liên quan. Đồng thời, Hội đồng quản trị hoặc Tiểu ban đó đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch đó một cách trung thực bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan; hoặc

b) Đối với những hợp đồng có giá trị lớn hơn 20% của tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những yếu tố quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của cán bộ quản lý hoặc thành viên Hội đồng quản trị đã được công bố cho các Cổ đông không có lợi ích liên quan có quyền biểu quyết về vấn đề đó, và những Cổ đông đã bỏ phiếu tán thành hợp đồng hoặc giao dịch này một cách trung thực;

c) Hợp đồng hoặc giao dịch đó được một tổ chức tư vấn độc lập cho là công bằng và hợp lý xét trên mọi phương diện liên quan đến các Cổ đông của Công ty vào thời điểm giao dịch hoặc hợp đồng này được Hội đồng quản trị hoặc một Tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị hay các Cổ đông cho phép thực hiện, thông qua hoặc phê chuẩn.

5. Không một thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc điều hành, một nhân viên quản lý hay người có liên quan nào của họ được phép mua hay bán hoặc giao dịch theo bất cứ hình thức nào khác các cổ phiếu của Công ty hoặc Công ty con của Công ty vào bất cứ thời điểm nào, khi mà họ có được những thông tin chắc chắn sẽ gây ảnh hưởng đến giá của những cổ phiếu đó và các Cổ đông khác lại không biết những thông tin này.

Điều 35. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường.

1. Trách nhiệm: Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc điều hành và cán bộ quản lý vi phạm nghĩa vụ hành động một cách trung thực hoặc không hoàn thành nghĩa vụ của mình với sự cẩn trọng, mẫn cán và năng lực chuyên môn sẽ phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.

2. Bồi thường: Công ty sẽ bồi thường cho những người đã, đang và có nguy cơ trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố đã, đang hoặc có thể sẽ được tiến hành cho dù đây là vụ việc dân sự, hành chính (mà không phải là việc kiện tụng do Công ty thực hiện hay thuộc quyền khởi xướng của Công ty) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, cán bộ quản lý, nhân viên hoặc đại diện được uỷ quyền của Công ty hay Công ty con của Công ty, hoặc người đó đã hoặc đang làm theo yêu cầu của Công ty (hay Công ty con của Công ty) với tư cách thành viên Hội đồng quản trị, cán bộ quản lý, nhân viên hoặc đại diện được uỷ quyền của một Công ty, đối tác, liên doanh, tín thác hoặc

pháp nhân khác. Những chi phí được bồi thường bao gồm: Các chi phí phát sinh (kể cả phí thuê Luật sư), chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế hoặc được coi là mức hợp lý khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép, với điều kiện là người đó đã hành động trung thực, cẩn trọng, miễn cưỡng và với năng lực chuyên môn theo phương thức mà người đó tin tưởng rằng đó là vì lợi ích hoặc không chống lại lợi ích cao nhất của Công ty, trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có sự phát hiện hay xác nhận nào rằng người đó đã vi phạm những trách nhiệm của mình. Công ty có quyền mua bảo hiểm cho những người đó để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

CHƯƠNG X BAN KIỂM SOÁT

Điều 36. Thành viên Ban kiểm soát

1. Số lượng thành viên Ban Kiểm soát Công ty sẽ không ít hơn 03 (ba) thành viên và không nhiều hơn 05 (năm) thành viên, trong đó có ít nhất một thành viên có chuyên môn về tài chính kế toán và không phải là thành viên hay nhân viên của Công ty Kiểm toán độc lập bên ngoài đang thực hiện việc kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty. Ban Kiểm soát phải chỉ định một thành viên là Cổ đông của Công ty làm Trưởng ban. Trưởng Ban Kiểm soát có các quyền và trách nhiệm sau:

a) Triệu tập cuộc họp Ban Kiểm soát và hoạt động với tư cách là Chủ tọa cuộc họp Ban Kiểm soát;

b) Yêu cầu Công ty cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo các thành viên của Ban Kiểm soát; và

c) Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình lên Đại hội đồng Cổ đông.

d) Các quyền và trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

2. Những Cổ đông nắm giữ từ dưới 10% (mười phần trăm) tổng số cổ phần phổ thông có quyền biểu quyết trong khoảng thời gian liên tục ít nhất từ 06 (sáu) tháng trở lên có thể gộp các cổ phần có quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để trở thành nhóm cổ

đồng sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông có quyền biểu quyết đề cử ứng cử viên vào Ban kiểm soát. Nếu tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết của họ nằm trong khoảng trên 10% (mười phần trăm) đến 30% (ba mươi phần trăm) thì họ được phép đề cử 01 (một) người; nếu trên 30% (ba mươi phần trăm) đến 50% (năm mươi phần trăm) thì họ được đề cử 02 (hai) người; trên 50% (năm mươi phần trăm) đến 70% (bảy mươi phần trăm) được đề cử 03 (ba) người và trên 70% được đề cử 04 (bốn) người.

Trường hợp việc đề cử giới thiệu ứng cử viên như các Tiết a, b của Điều này không đáp ứng số lượng cần thiết thì giao Hội đồng quản trị đương nhiệm quyền giới thiệu danh sách ứng cử viên để Đại hội đồng Cổ đông thông qua quyết định danh sách đề cử.

3. Các thành viên của Ban Kiểm soát do Đại hội đồng Cổ đông bầu, có nhiệm kỳ không quá 05 năm và có thể được bầu lại vào kỳ Đại hội đồng Cổ đông tiếp theo đó với số nhiệm kỳ không hạn chế.

4. Một thành viên Ban Kiểm soát không còn tư cách thành viên trong các trường hợp sau:

- a) Thành viên đó bị pháp luật cấm làm thành viên Ban Kiểm soát;
- b) Thành viên đó từ chức bằng một văn bản thông báo được gửi đến Trụ sở chính của Công ty;
- c) Thành viên đó bị ảnh hưởng của sự rối loạn tâm thần và các thành viên khác của Ban kiểm soát có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn có năng lực hành vi;
- d) Thành viên đó vắng mặt liên tục trong khoảng thời gian sáu (06) tháng không tham gia các cuộc họp của Ban Kiểm soát mà không được phép của Ban Kiểm soát và Ban Kiểm soát quyết nghị rằng vị trí của người đó bị bỏ trống.

Điều 37: Ban Kiểm soát

1. Công ty phải có Ban kiểm soát và thành viên của Ban kiểm soát sẽ có quyền hạn và trách nhiệm theo quy định tại Điều 123 của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này, chủ yếu là những quyền hạn và trách nhiệm sau đây:

a) Được Hội đồng Quản trị tham khảo ý kiến về việc chỉ định công ty kiểm toán độc lập, mức phí kiểm toán và mọi vấn đề liên quan đến sự rút lui hay bãi nhiệm của công ty kiểm toán độc lập;

b) Thảo luận với kiểm toán viên độc lập về tính chất và phạm vi kiểm toán trước khi bắt đầu việc kiểm toán;

c) Xin ý kiến tư vấn chuyên nghiệp độc lập hoặc tư vấn về pháp lý và đảm bảo sự tham gia của những chuyên gia bên ngoài Công ty với kinh nghiệm, trình độ chuyên môn phù hợp vào công việc của Công ty, nếu thấy cần thiết.

d) Kiểm tra các báo cáo tài chính hàng năm, sáu tháng và hàng quý trước khi đệ trình Hội đồng quản trị;

e) Thảo luận về những vấn đề khó khăn và tồn tại phát hiện từ các kết quả kiểm toán giữa kỳ hoặc cuối kỳ cũng như mọi vấn đề mà kiểm toán viên độc lập muốn bàn bạc;

f) Xem xét thư quản lý của kiểm toán viên độc lập và ý kiến phản hồi của Ban quản lý, điều hành Công ty;

g) Xem xét báo cáo của Công ty về các hệ thống kiểm soát nội bộ trước khi Hội đồng quản trị chấp thuận; và

h) Xem xét những kết quả điều tra nội bộ và ý kiến phản hồi của Ban quản lý, điều hành Công ty.

2. Thành viên của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc điều hành và cán bộ quản lý phải cung cấp tất cả các thông tin và tài liệu liên quan đến hoạt động của Công ty theo yêu cầu của Ban Kiểm soát. Thư ký Công ty phải bảo đảm rằng tất cả bản sao chụp các thông tin tài chính, các thông tin khác cung cấp cho các thành viên Hội đồng quản trị và bản sao các biên bản họp Hội đồng quản trị sẽ phải được cung cấp cho thành viên Ban Kiểm soát vào cùng thời điểm chúng được cung cấp cho thành viên Hội đồng quản trị.

3. Tổng mức thù lao cho các thành viên Ban Kiểm soát sẽ không vượt quá 250 triệu đồng Việt Nam mỗi năm. Mức thù lao có thể cao hơn theo quyết định của Đại hội đồng Cổ đông. Thành viên của Ban Kiểm soát cũng sẽ được thanh toán các khoản chi phí đi lại, khách sạn và các chi phí phát sinh một cách hợp lý khi họ tham gia các cuộc họp của Ban Kiểm soát hoặc liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

4. Sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát có thể ban hành các quy định về các cuộc họp và cách thức hoạt động của Ban nhưng không được họp ít hơn 02 lần mỗi năm và số lượng thành viên tối thiểu phải có trong các cuộc họp là 2/3 tổng số thành viên của Ban.

CHƯƠNG XI QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY.

Điều 38. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ.

1. Mọi Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông đề cập trong Khoản 3 Điều 24 và Khoản 2 Điều 36 Điều lệ này đều có quyền, trực tiếp hoặc qua luật sư hoặc người được uỷ quyền, gửi một văn bản yêu cầu được kiểm tra trong giờ làm việc và tại địa điểm kinh doanh chính của Công ty danh sách các Cổ đông, các biên bản của Đại hội đồng Cổ đông và sao chụp hoặc trích lục các hồ sơ đó. Yêu cầu kiểm tra do phía luật sư đại diện hoặc đại diện được uỷ quyền khác của Cổ đông phải kèm theo giấy uỷ quyền của Cổ đông mà người đó đại diện hoặc một bản sao công chứng của giấy uỷ quyền này.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng giám đốc điều hành và cán bộ quản lý có quyền kiểm tra Sổ đăng ký Cổ đông của Công ty, danh sách Cổ đông và những sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình, với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.

3. Công ty phải lưu trữ Điều lệ này và những bản sửa đổi, bổ sung Điều lệ, Giấy đăng ký kinh doanh, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, biên bản họp Đại hội đồng Cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban Kiểm soát, báo cáo tài chính hàng năm, sổ sách kế toán và bất cứ giấy tờ nào khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các Cổ đông và cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các giấy tờ này.

4. Mọi Cổ đông đều có quyền được Công ty cấp một bản Điều lệ Công ty miễn phí. Nếu Công ty có một Website, Điều lệ này phải được đưa lên Website đó.

CHƯƠNG XII CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN

Điều 39. Công nhân viên và Công đoàn

Tổng giám đốc điều hành sẽ phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua về các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng và bố trí lao động, buộc thôi việc, lương bổng, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với cán bộ quản lý và người lao động cũng như những mối quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn được công nhận theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.

CHƯƠNG XIII PHÂN CHIA LỢI NHUẬN

Điều 40. Cổ tức.

1. Theo quyết định của Đại hội đồng Cổ đông và theo quy định của pháp luật, cổ tức sẽ được công bố và chi trả từ lợi nhuận giữ lại của Công ty nhưng không được vượt quá mức do Hội đồng quản trị đề xuất sau khi đã tham khảo ý kiến các Cổ đông tại Đại hội đồng Cổ đông. Công ty chỉ được trả cổ tức cho Cổ đông khi Công ty đã hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật; trích lập các quỹ Công ty và bù đắp các khoản lỗ trước đó theo quy định của pháp luật.

2. Theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị có thể quyết định thanh toán tạm ứng cổ tức giữa kỳ nếu xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng tài chính của Công ty.

3. Trừ trường hợp có các quyền đi kèm theo bất kỳ cổ phần nào hoặc các điều khoản phát hành cổ phần đó có quy định khác đi, mức cổ tức (có tính đến những cổ phiếu chưa được thanh toán hết trong thời gian cổ tức được chi trả) được chi trả theo tỷ lệ tương ứng với khoản tiền đã thanh toán cho việc mua cổ phần đó trong giai đoạn chi trả cổ tức.

4. Công ty sẽ không trả lãi cho bất cứ một khoản cổ tức hay khoản tiền nào khác có thể được chi trả liên quan tới một cổ phần.

5. Hội đồng quản trị có thể đề nghị Đại hội đồng Cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc từng phần cổ tức bằng những tài sản cụ thể (có thể bằng các cổ phiếu hoặc trái phiếu đã được thanh toán hết tiền mua do công ty khác phát hành) và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi Nghị quyết này theo quy định của pháp luật.

6. Cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một cổ phần nếu được chi trả bằng tiền mặt sẽ phải được thực hiện bằng tiền đồng Việt Nam và có thể được thanh toán bằng séc hoặc lệnh trả tiền gửi qua bưu điện tới địa chỉ đã đăng ký của Cổ đông thụ hưởng và nếu có rủi ro phát sinh thì Cổ đông đó phải chịu. Ngoài ra, mọi khoản cổ tức hoặc các khoản tiền khác được chi trả bằng tiền mặt liên quan tới một cổ phần có thể được thực hiện bằng chuyển khoản ngân hàng khi Công ty đã có thông tin chi tiết về ngân hàng của Cổ đông nhằm cho phép Công ty thực hiện được việc chuyển khoản trực tiếp vào tài khoản ngân hàng của Cổ đông. Nếu Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do Cổ đông cung cấp thì Công ty không chịu trách nhiệm đối với bất kỳ khoản tiền nào được Công ty chuyển cho Cổ đông thụ hưởng mà Cổ đông đó không nhận được. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết tại Trung tâm Giao dịch Chứng khoán có thể được tiến hành thông qua Công ty Chứng khoán hoặc Trung tâm Lưu ký.

7. Nếu được Đại hội đồng Cổ đông chấp thuận, Hội đồng quản trị có thể quyết định và thông báo rằng những người sở hữu cổ phần phổ thông được quyền lựa chọn để nhận cổ tức bằng các cổ phần phổ thông thay cho cổ tức bằng tiền mặt. Những cổ phần bổ sung để trả cổ tức này được ghi là những cổ phần đã thanh toán đầy đủ tiền mua trên cơ sở giá trị của các cổ phần phổ thông bổ sung để trả cổ tức phải tương đương với số tiền mặt của cổ tức.

8. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Hội đồng Quản trị thông qua Nghị quyết của mình có thể quy định một ngày cụ thể (ngày khoá sổ) làm ngày khoá sổ hoạt động kinh doanh của Công ty. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách Cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức, lãi suất, phân chia lợi nhuận, nhận cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác. Ngày khoá sổ này có thể là cùng ngày hoặc vào bất cứ thời điểm nào trước khi việc nhận các quyền lợi đó được thực hiện. Điều này không ảnh hưởng tới quyền lợi của hai bên trong giao dịch chuyển nhượng cổ phiếu hoặc chứng khoán liên quan.

Điều 41: Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận

Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG XIV
TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, CÁC QUỸ DỰ TRỮ CỦA CÔNG TY,
NĂM TÀI KHÓA VÀ HỆ THỐNG KẾ TOÁN

Điều 42. Tài khoản Ngân hàng.

1. Công ty được mở tài khoản tại (các) Ngân hàng Việt Nam hoặc tại (các) Ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.

2. Trường hợp cần thiết phải mở tài khoản tại Ngân hàng ở nước ngoài, theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, giao cho Hội đồng quản trị quyết định và thực hiện theo các quy định của pháp luật.

3. Công ty sẽ tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản .

Điều 43. Quỹ Công ty.

Công ty được lập các quỹ sau đây:

1. Quỹ Dự phòng tài chính: Dùng để bù đắp những tổn thất, thiệt hại về tài sản, công nợ không đòi được và lỗ xảy ra trong quá trình kinh doanh, do Hội đồng quản trị quyết định. Mức trích Quỹ này không vượt quá 5% (năm phần trăm) lợi nhuận sau thuế hàng năm và được trích cho đến khi bằng 25% (hai mươi lăm phần trăm) Vốn điều lệ.

2. Quỹ Khen thưởng và phúc lợi;

a) Quỹ Khen thưởng dùng để thưởng cuối năm, thường kỳ, đột xuất cho cá nhân và tập thể trong Công ty trên cơ sở năng suất lao động, hiệu quả kinh doanh, do Tổng giám đốc Công ty quyết định.

b) Quỹ Phúc lợi dùng để chi cho các hoạt động phúc lợi công cộng của Công ty và phúc lợi xã hội, do Tổng giám đốc Công ty quyết định sau khi tham khảo ý kiến của Chủ tịch Công đoàn Công ty.

c) Mức trích chung cho hai Quỹ này không vượt quá 03 tháng lương thực hiện trong năm. Việc phân chia cụ thể cho mỗi Quỹ do Tổng giám đốc Công ty quyết định sau khi tham khảo ý kiến Chủ tịch Công đoàn Công ty.

3. Quỹ Hội đồng quản trị: Dùng để Hội đồng quản trị thưởng cho đơn vị và cá nhân trong và ngoài Công ty đã có đóng góp nhiều cho hoạt động kinh doanh, quản lý Công ty. Việc chi tiêu cụ thể do Chủ tịch Hội đồng quản trị quyết định. Mức trích không vượt quá 03 % (ba phần trăm) lợi nhuận sau thuế hàng năm.

4. Quỹ Đầu tư phát triển: Dùng để đầu tư mở rộng và phát triển sản xuất kinh doanh, đổi mới công nghệ theo các dự án được cấp có thẩm quyền cho phép. Nguồn trích Quỹ này bao gồm: Tối thiểu 20% (hai mươi phần trăm) lợi nhuận sau thuế hàng năm và khoản ưu đãi miễn giảm thuế theo chính sách của Nhà nước.

5. Căn cứ kết quả tài chính thực hiện hàng năm, Hội đồng quản trị lập phương án phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ (mức trích cụ thể) trình Đại hội đồng Cổ đông xem xét, thông qua. Hội đồng quản trị ban hành Quy chế hướng dẫn việc sử dụng và quản lý các quỹ Công ty nói tại Điều này.

Điều 44. Năm tài khóa.

Năm tài khóa của Công ty bắt đầu từ ngày đầu tiên (ngày 01) của tháng Một (01) hàng năm và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng Mười hai (12) cùng năm. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (hoặc giấy phép kinh doanh đối với những ngành, nghề kinh doanh có điều kiện) và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12 sau ngày cấp Giấy đăng ký kinh doanh (giấy phép kinh doanh) đó.

Điều 45. Hệ thống Kế toán .

1. Hệ thống kế toán Công ty sử dụng là Hệ thống Kế toán Việt Nam (VAS) hoặc bất kỳ hệ thống nào khác được Bộ Tài chính chấp thuận.

2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt. Công ty sẽ lưu giữ hồ sơ kế toán theo loại hình của các hoạt động kinh doanh mà Công ty tham gia. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.

3. Công ty sử dụng đồng Việt Nam làm đơn vị tiền tệ dùng trong kế toán.

CHƯƠNG XV
BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN,
THÔNG BÁO RA CÔNG CHÚNG

Điều 46. Báo cáo hàng năm, sáu tháng và hàng quý.

1. Công ty phải lập bản báo cáo tài chính hàng năm theo quy định của pháp luật cũng như các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và phải được kiểm toán theo quy định tại Điều 48 Điều lệ này, và trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày kết thúc mỗi năm tài chính, phải nộp báo cáo tài chính hàng năm đã được Đại hội đồng Cổ đông thông qua cho cơ quan thuế có thẩm quyền, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch chứng khoán/Trung tâm Giao dịch Chứng khoán và cơ quan đăng ký kinh doanh.

2. Báo cáo tài chính hàng năm phải bao gồm Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình về lãi và lỗ của Công ty trong năm tài chính; Một Bản cân đối kế toán phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm lập báo cáo và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính. Nếu Công ty là một công ty mẹ, thì ngoài báo cáo tài chính hàng năm còn phải bao gồm bảng cân đối kế toán tổng hợp về tình hình hoạt động của Công ty và các Công ty con của mình vào cuối mỗi năm tài chính.

3. Công ty phải lập các báo cáo sáu tháng và hàng quý theo các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và nộp cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch chứng khoán hoặc Trung tâm Giao dịch Chứng khoán.

4. Bản tóm tắt nội dung báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán cũng phải được gửi tới tất cả các Cổ đông và được công bố trên nhật báo của địa phương và một tờ báo kinh tế Trung ương trong ba số liên tiếp. Nếu Công ty có một trang Website trên mạng thì các báo cáo tài chính được kiểm toán, báo cáo quý và sáu tháng của Công ty phải được đưa lên trang Website đó.

5. Bất kỳ một tổ chức hoặc cá nhân nào quan tâm sẽ được quyền kiểm tra và sao chụp bản báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán, báo cáo sáu tháng và hàng quý trong giờ làm việc của Công ty, tại Trụ sở chính của Công ty và phải trả một mức phí hợp lý cho việc sao chụp.

Điều 47. Công bố thông tin và Thông báo ra công chúng.

Các báo cáo tài chính hàng năm và các tài liệu bổ trợ khác phải được công bố ra công chúng theo những quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và nộp cho cơ quan thuế hữu quan và cơ quan đăng ký kinh doanh theo các quy định của Luật doanh nghiệp.

**CHƯƠNG XVI
KIỂM TOÁN CÔNG TY**

Điều 48. Kiểm toán.

1. Tại Đại hội đồng Cổ đông Thường niên, một Công ty kiểm toán độc lập được phép hoạt động hợp pháp tại Việt Nam và được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận kiểm toán cho các Công ty niêm yết sẽ được chỉ định để tiến hành các hoạt động kiểm toán Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thoả thuận với Hội đồng quản trị.

2. Công ty phải chuẩn bị và gửi báo cáo tài chính hàng năm cho Công ty kiểm toán độc lập sau khi kết thúc mỗi năm tài chính.

3. Công ty kiểm toán độc lập kiểm tra, xác nhận và báo cáo về Báo cáo tài chính hàng năm cho biết các khoản thu chi của Công ty, lập Báo cáo Kiểm toán và trình báo cáo đó cho Hội đồng quản trị trong vòng (02) tháng kể từ ngày kết thúc mỗi năm tài chính. Các nhân viên của Công ty kiểm toán độc lập thực hiện việc kiểm toán cho Công ty phải được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận.

4. Một bản sao của Báo cáo Kiểm toán sẽ phải được gửi đính kèm với mỗi bản báo cáo kế toán hàng năm của Công ty.

5. Kiểm toán viên thực hiện việc kiểm toán Công ty sẽ được phép tham dự mọi cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến Đại hội đồng Cổ đông mà mọi Cổ đông được quyền nhận và được phát biểu ý kiến tại Đại hội về các vấn đề có liên quan đến kiểm toán.

CHƯƠNG XVII CON DẤU

Điều 49. Con dấu.

1. Hội đồng quản trị sẽ quyết định thông qua một con dấu chính thức của Công ty và con dấu được khắc theo quy định của pháp luật.
2. Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc điều hành sử dụng và quản lý con dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.

CHƯƠNG XVIII CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ

Điều 50. Chấm dứt hoạt động.

1. Công ty có thể bị giải thể hoặc chấm dứt hoạt động khi xảy ra một trong những trường hợp sau:
 - a) Kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty, kể cả sau khi đã gia hạn;
 - b) Tòa án tuyên bố Công ty phá sản theo quy định của pháp luật hiện hành;
 - c) Giải thể trước thời hạn theo quyết định của Đại hội đồng Cổ đông.
 - d) Các trường hợp khác do pháp luật quy định.
2. Việc giải thể Công ty trước thời hạn (kể cả thời hạn đã gia hạn) do Đại hội đồng Cổ đông quyết định và Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định này phải thông báo hoặc xin chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.

Điều 51. Trường hợp bế tắc giữa các thành viên Hội đồng quản trị và Cổ đông.

Trừ khi Điều lệ này có quy định khác, Cổ đông sở hữu một nửa (1/2) tổng số cổ phần đang lưu hành có quyền biểu quyết trong bầu cử thành viên Hội đồng quản trị có quyền đệ đơn khiếu nại tới Tòa án để yêu cầu giải thể theo một hay một số các căn cứ sau:

1. Các thành viên Hội đồng quản trị không thống nhất trong quản lý các công việc của Công ty dẫn đến tình trạng không đạt được số phiếu cần thiết theo quy định để Hội đồng quản trị hoạt động.

2. Các Cổ đông không thống nhất nên không thể đạt được số phiếu cần thiết theo quy định để tiến hành bầu thành viên Hội đồng quản trị.

3. Có sự bất đồng nội bộ và hai hoặc nhiều phe cánh Cổ đông bị chia rẽ khiến cho việc giải thể sẽ là phương án có lợi hơn cả cho toàn thể Cổ đông.

Điều 52. Gia hạn Hoạt động.

1. Hội đồng quản trị sẽ triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông ít nhất bảy (07) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động để Cổ đông có thể biểu quyết về việc gia hạn hoạt động của Công ty thêm một thời gian theo đề nghị của Hội đồng quản trị.

2. Thời hạn hoạt động sẽ được gia hạn thêm nếu số Cổ đông nắm giữ ít nhất 65% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp tại Đại hội đồng Cổ đông hoặc qua uỷ quyền bỏ phiếu tán thành việc gia hạn.

Điều 53. Thanh lý.

1. Ít nhất sáu (06) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty hoặc sau khi có một quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị sẽ phải thành lập Ban Thanh lý gồm (03) thành viên. Hai thành viên trong đó do Đại hội đồng Cổ đông chỉ định và một thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ một Công ty kiểm toán độc lập. Ban Thanh lý sẽ chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban Thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý sẽ được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.

2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày được thành lập và ngày bắt đầu hoạt động của Ban. Kể từ thời điểm đó, Ban Thanh lý sẽ thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Tòa án và các cơ quan hành chính.

3. Tiền thu được từ việc thanh lý sẽ được thanh toán theo thứ tự sau:

a) Các chi phí thanh lý;

b) Tiền lương và chi phí bảo hiểm cho công nhân viên;

- c) Thuế và các khoản nộp có tính chất thuế mà Công ty phải trả cho Nhà nước;
- d) Các khoản vay (nếu có);
- e) Các khoản nợ khác của Công ty;
- f) Số dư còn lại sau khi đã thanh toán mọi khoản nợ từ mục (a) đến (e) trên đây sẽ được phân chia cho các Cổ đông tương ứng với tỷ lệ cổ phần mà cổ đông đó sở hữu. Các cổ phần ưu đãi sẽ ưu tiên thanh toán trước.

CHƯƠNG XIX

GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 54. Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Khi phát sinh tranh chấp hay khiếu nại có liên quan tới hoạt động của Công ty hay tới quyền của các Cổ đông phát sinh từ Điều lệ hay từ bất cứ quyền hoặc nghĩa vụ do Luật Doanh nghiệp hay các luật khác hoặc các quy định hành chính quy định, giữa:

- (i) Cổ đông với Công ty; hoặc
- (ii) Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng giám đốc điều hành hay cán bộ quản lý cao cấp.

Các bên liên quan sẽ cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hoà giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ chủ trì việc giải quyết tranh chấp và sẽ yêu cầu mỗi bên trình bày các yếu tố thực tiễn liên quan đến tranh chấp trong vòng 15 ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Nếu tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu chỉ định một chuyên gia độc lập để hành động với tư cách là trọng tài cho quá trình giải quyết tranh chấp.

2. Nếu không có quyết định hoà giải nào đạt được trong vòng sáu (06) tuần từ ngày bắt đầu quá trình hoà giải hoặc nếu quyết định của trung gian hoà giải không được các bên chấp nhận, bất cứ bên nào cũng có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài kinh tế hoặc Tòa Kinh tế thuộc Tòa án nơi Công ty đóng trụ sở.

3. Mỗi bên sẽ tự chịu chi phí của mình có liên quan tới thủ tục thương lượng và hoà giải. Các chi phí của Toà án sẽ do Toà phán quyết bên nào phải chịu.

CHƯƠNG XX

SỬA ĐỔI, BỔ SUNG ĐIỀU LỆ

Điều 55. Sửa đổi và Bổ sung Điều lệ.

1. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ này phải được Đại hội đồng Cổ đông xem xét quyết định.

2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong điều lệ này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty.

CHƯƠNG XXI

NGÀY HIỆU LỰC

Điều 56. Ngày hiệu lực.

1. Bản điều lệ này gồm 21 Chương, 57 Điều và 01 bản Phụ lục kèm theo, được Đại hội đồng Cổ đông Công ty Cổ phần Hàng hải Hà Nội kỳ họp thường niên nhất trí thông qua ngày 26 tháng 4 năm 2012 tại Hà Nội và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.

2. Điều lệ được lập thành 10 bản, có giá trị ngang nhau, trong đó:

- a) 01 Bản nộp tại Phòng công chứng Nhà nước thành phố Hà Nội.
- b) 03 Bản đăng ký tại cơ quan chính quyền theo quy định của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội.
- c) 01 Bản nộp UBCK Nhà nước.

- d) 01 Bản nộp Trung tâm giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh
 - e) 04 Bản lưu trữ tại Văn phòng Công ty.
3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty.
4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ Công ty phải có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc ít nhất 1/2 tổng số thành viên Hội đồng quản trị mới có giá trị.
- Điều 57:** Chữ ký của người đại diện theo pháp luật của Công ty:

PHỤ LỤC 01

Công ty thành viên	Địa chỉ
<i>Công ty TNHH MTV Vận tải và Dịch vụ hàng hải Hải Phòng</i>	<i>Tầng 6 Tòa nhà Hải An, Đường Đình Vũ, Phường Đông Hải II, Quận Hải An, TP Hải Phòng</i>
<i>Công ty TNHH MTV Hàng hải Hà Nội phía Nam</i>	<i>Số 62 bis Huỳnh Thúc Kháng, phường Bến Nghé, Quận 1, TP Hồ Chí Minh</i>
<i>Công ty TNHH Vận tải và Đại lý vận tải Đa phương thức</i>	<i>Tầng 6, Số 45 Triệu Việt Vương, Phường Bùi Thị Xuân, Quận Hai Bà Trưng, TP Hà Nội</i>
Chi nhánh	
<i>Chi nhánh Công ty Cổ phần Hàng Hải Hà Nội tại Quảng Ngãi</i>	<i>Vực 1, xã Bình Thuận, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi.</i>
Công ty liên doanh, liên kết	
<i>Công ty Cổ phần Vận tải và Xếp dỡ Hải An</i>	<i>Tầng 7 số 45 Triệu Việt Vương, Phường Bùi Thị Xuân, Quận Hai Bà Trưng, TP Hà Nội</i>
<i>Công ty TNHH Quản lý và Kinh doanh Bất động sản Hà Nội</i>	<i>Tầng 3, Tòa nhà Ocean Park Building, Số 1 Đào Duy Anh, quận Đống Đa, TP Hà Nội</i>
<i>Công ty TNHH Hàng hải Wallem Việt Nam</i>	<i>Tầng 15, Tòa nhà IPC, Phòng 1502, số 1489 Đại lộ Nguyễn Văn Linh, Phường Tân Phong, Quận 7 (Phú Mỹ Hưng), TP Hồ Chí Minh.</i>

Bản Phụ lục này là một bộ phận không thể tách rời Điều lệ Công ty Cổ phần Hàng hải Hà Nội đã được Đại hội đồng Cổ đông kỳ họp thường niên thông qua ngày 26 tháng 4 năm 2012./.